

## CHƯƠNG 1

# TỔNG QUAN CƠ SỞ LÝ THUYẾT VỀ THUẾ GTGT

### 1.1 Khái niệm liên quan đến đề tài báo cáo

#### 1.1.1 Khái niệm

##### a) Khái niệm chung của thuế

➤ Theo như Luật sư Tô Thị Phương Dung có viết trên trong luật Minh Khuê:

“ Thuế khoản nộp bắt buộc đối với các cá nhân có nghĩa vụ thực hiện, phát sinh trên cơ sở các văn bản pháp luật thuế được cơ quan Nhà nước ban hành, không mang tính chất đối giá và hoàn trả trực tiếp cho đối tượng nộp thuế, nó gắn liền với phạm trù Nhà nước và pháp luật.” ( Dung, 1986 )

##### b) Khái niệm về thuế GTGT

➤ Căn cứ theo Điều 2 Luật số 13/2008/QH12:

“ Thuế GTGT là thuế tính trên phần tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến người tiêu dùng và được thu ở khâu tiêu thụ hàng hóa.”

##### c) Khái niệm về Kế toán thuế GTGT

➤ Theo tác giả tìm hiểu và quan sát: Kế toán thuế giá trị gia tăng là một nghiệp vụ quan trọng trong công việc kế toán. Nhân viên kế toán thuế phải luôn theo dõi nắm bắt các hoạt động được thực hiện có sự liên quan mật thiết đến khoản thuế GTGT, đảm bảo cho doanh nghiệp luôn chấp hành đúng và đủ nghĩa vụ nộp thuế cho nhà nước.

#### 1.1.2 Đặc điểm của thuế GTGT

➤ Căn cứ theo luật Lawkey – Kế toán thuế Taxkey

- Thuế GTGT là thuế gián thu
- Thuế GTGT có tính trung lập cao
- Là loại thuế đánh nhiều giai đoạn nhưng không trùng lặp
- Thuế GTGT là sắc thuế có tính lũy thoái so với thu nhập
- Ngoài ra phạm vi của thuế GTGT đối tượng chịu thuế là cá nhân trong phạm vi lãnh thổ Quốc gia. Bởi vì không những hàng hóa xuất khẩu chịu thuế suất GTGT 0% ở khâu xuất khẩu và vẫn được khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

### **1.1.3 Đối tượng chịu thuế và không chịu thuế**

#### **a) Đối tượng chịu thuế**

➤ Căn cứ theo Điều 3 Luật số 13/2008/QH12:

“Đối tượng chịu thuế GTGT là hàng hoá, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam và bao gồm hàng hóa, dịch vụ mua của cá nhân hoặc tổ chức nước ngoài, trừ các đối tượng không chịu thuế GTGT.”

#### **b) Đối tượng không chịu thuế**

➤ Căn cứ theo Điều 5 Luật số 13/2008/QH12:

– “ Sản phẩm là vật nuôi, cây trồng di truyền từ khâu nuôi trồng nhập khẩu và kinh doanh thương mại.

– Các loại muối được sản xuất từ biển có thành phần là NaCl.

– Nhà ở được nhà nước bán hoặc cho thuê.

– Chuyển nhượng quyền sử dụng đất đai.

– Những dịch vụ liên quan đến tài chính, chứng khoán, ngân hàng theo quy định.

– Các dịch vụ về y tế, thú y. Theo gói dịch vụ chữa bệnh được quy định của Bộ Y tế chứng nhận.

– Dịch vụ bưu chính viễn thông và internet công cộng, phổ cập bởi Chính phủ.

– Dịch vụ duy trì các công trình công cộng, vườn thú, công viên, dịch vụ tang lễ.

– Đào tạo nghề, dạy nghề theo quy định của pháp luật.

– Xuất bản, nhập khẩu, in ấn các loại báo chuyên ngành, các loại sách bao gồm chính trị, giáo khoa,...

– Các loại vũ khí, khí tài được sử dụng và phục vụ cho mục đích an ninh quốc phòng.

– Hàng hóa, dịch vụ bán cho các tổ chức, cá nhân để viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn.

– Hàng hóa chuyên khâu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam, hàng tạm nhập khẩu chờ tái xuất khẩu.

– Chuyển giao công nghệ, trí tuệ nhân tạo theo quy định của Luật chuyển giao công nghệ, Luật sở hữu trí tuệ.

– Vàng nhập khẩu ở dạng thỏi, miếng và chưa được chế biến thành vàng mỹ nghệ.

- Các sản phẩm nhân tạo dùng để thay thế các bộ phận con người.
- Các loại hàng hóa, dịch vụ được miễn thuế GTGT theo quy định của pháp luật.
- Xem thêm ở Điều 5 Luật số 13/2008/QH12.”

#### **1.1.4 Đối tượng nộp thuế**

➤ Căn cứ theo Điều 4 Luật số 13/2008/QH12:

“Người nộp thuế giá trị gia tăng là tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng và tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa chịu thuế giá trị gia tăng.”

#### **1.1.5 Trường hợp không kê khai, nộp thuế**

➤ Căn cứ theo điều 5 của Thông Tư số 219/2013/TT-BTC

- “ Tổ chức, cá nhân nhận khoản thu bồi thường bằng tiền, tiền thưởng, tiền hỗ trợ, tiền chuyển nhượng quyền phát thải và các khoản thu tài chính khác.

- Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam mua hàng hóa, dịch vụ của tổ chức công ty nước ngoài không thường trú tại Việt Nam, cá nhân là người không cư trú tại Việt Nam, bao gồm: Sửa chữa thiết bị vận tải, máy móc, quảng cáo, tiếp thị,...

- Doanh nghiệp, hợp tác xã nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ bán sản phẩm nông nghiệp chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường cho doanh nghiệp.

- Tổ chức, cá nhân chuyển nhượng dự án đầu tư để sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT cho doanh nghiệp, hợp tác xã.

- Các trường hợp khác.”

#### **1.1.6 Tài khoản sử dụng và phương pháp hạch toán**

c) Tài khoản được sử dụng

➤ Căn cứ theo điều 19 của thông tư 200/2014/TT-BTC.

❖ Tài khoản 133 – Thuế GTGT được khấu trừ

**Bên Nợ:**

Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

**Số dư bên Nợ:**

Số thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ, số thuế GTGT đầu vào được hoàn lại nhưng NSNN chưa hoàn trả.

**Bên Có:**

Số thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ

Kết chuyển số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ;

Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa mua vào nhưng đã trả lại, được giảm giá;

Số thuế GTGT đầu vào đã được hoàn lại

*Tài khoản 133 - Thuế GTGT được khấu trừ, có 2 tài khoản cấp 2:*

- “ *Tài khoản 1331 - Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ: Là số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ cho các hàng hoá, dịch vụ mua bên ngoài dùng trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ thuế.*”

- “ *Tài khoản 1332 - Thuế GTGT được khấu trừ của tài sản cố định*

- *Căn cứ theo điều 52 của thông tư 200/2014/TT-BTC*

- ❖ *Tài khoản 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước*

**Bên Nợ:**

- Số T.GTGT đã được khấu trừ trong kỳ;
- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp, đã nộp vào Ngân sách Nhà nước;
- Số thuế được giảm trừ vào số thuế phải nộp;
- Số T.GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá.

- *Tài khoản 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:*

- “ *Tài khoản 3331 - Thuế giá trị gia tăng phải nộp: Phản ánh số thuế GTGT đầu ra, số thuế GTGT của hàng nhập khẩu phải nộp, số thuế GTGT đã được khấu trừ, số thuế GTGT đã nộp và còn phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.*”

**Bên Có:**

- Số thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp;
- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.

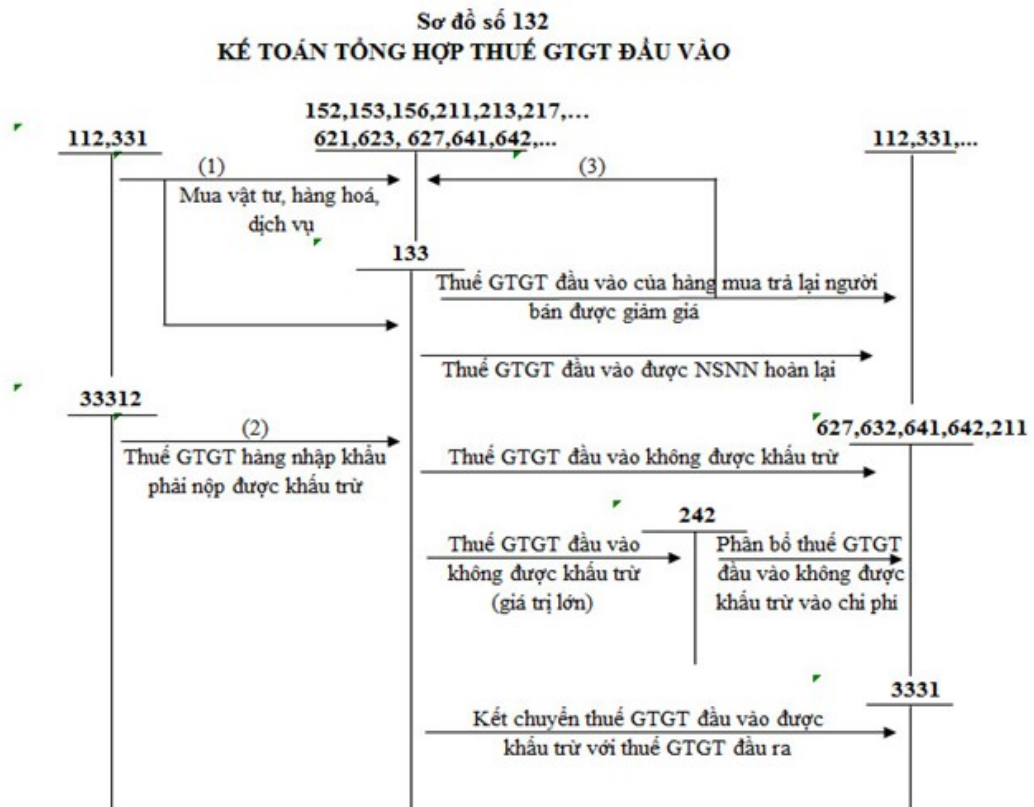
**Số dư bên Có:**

Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác còn phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Tài khoản 3332 - Thuế TTĐB
- Tài khoản 3333 - Thuế xuất, nhập khẩu
- Tài khoản 3334 - Thuế TNDN
- Tài khoản 3335 - Thuế TNCN
- Tài khoản 3336 - Thuế tài nguyên.
- Tài khoản 3337 - Thuế nhà đất
- Tài khoản 3338 - Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác
- Tài khoản 3339 - Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

➤ *Phương pháp hạch toán*

a) Thuế GTGT đầu vào theo phương pháp khấu trừ



Sơ đồ 1.1 Thuế GTGT đầu vào theo phương pháp khấu trừ

(Nguồn: Thông tư 200)



## 1.3 Phương pháp tính thuế GTGT

### 1.3.1 Phương pháp khấu trừ

- Căn cứ theo điều 12 thông tư 219/2013/TT-BTC
  - Áp dụng đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh có thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.
  - Doanh thu hằng năm từ 1 tỷ đồng trở lên làm căn cứ xác định cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ tại điểm a khoản 1 điều 12.
  - Đăng ký kê khai theo phương pháp khấu trừ thuế.
  - Phương pháp tính

$$\text{Số T.GTGT phải nộp} = \text{Thuế GTGT đầu ra} - \text{Thuế GTGT đầu vào được}$$

$$\text{T.GTGT đầu ra} = \text{Giá tính thuế của HH, DV chịu thuế bán ra} \times \text{Thuế suất thuế GTGT của HH, DV}$$

### 1.3.2 Phương pháp trực tiếp

- Căn cứ theo điều 13 của thông tư 219/2013/TT-BTC.
  - Áp dụng đối với cơ sở kinh doanh, hộ kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ.
  - Hoạt động kinh doanh mua bán vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ.
  - Tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh không theo Luật đầu tư và các tổ chức khác không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.
  - Phương pháp tính

$$\text{Số T.GTGT phải nộp} = \text{T.GTGT đầu ra} - \text{T.GTGT đầu vào khấu trừ}$$

$$\text{T.GTGT đầu ra} = \text{Giá tính thuế của HH, DV chịu thuế bán ra} \times \text{Thuế suất T.GTGT của HH, DV}$$

### ➤ Trường hợp khác

$$\text{Số thuế giá trị gia tăng} = \text{Doanh thu} \times \text{Tỷ lệ \%}$$

+ **Tỷ lệ %**: để tính thuế giá trị gia tăng trên doanh thu được quy định theo từng hoạt động như sau:

- Phân phối, cung cấp hàng hóa: **1%**;
- Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu: **5%**;
- Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: **3%**;
- Hoạt động kinh doanh khác: **2%**.

### **1.3.3 Các loại thuế suất mà công ty đang áp dụng**

#### **a) Thuế suất 10%**

- Căn cứ theo điều 11 TT 219/2013/TT-BTC, thuế suất 10% được áp dụng đối với các hàng hóa, dịch vụ không thuộc trường hợp không chịu thuế giá trị gia tăng, chịu thuế 0%, 5%.
- Mức thuế suất 5%, 10% được áp dụng thống nhất cho từng loại hàng hóa, dịch vụ ở các khâu nhập khẩu, sản xuất, gia công hay kinh doanh thương mại.

## **1.4 Cơ sở pháp lý để nghiên cứu**

### **1.4.1 Luật thuế GTGT và các luật sửa đổi, bổ sung Luật Thuế GTGT**

#### **➤ Căn cứ theo Điều 2 Luật số 13/2008/QH12:**

“ Thuế GTGT là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến người tiêu dùng và được thu ở khâu tiêu thụ hàng hóa.”

### **1.4.2 Nghị định hướng dẫn Luật Thuế GTGT**

➤ *Căn cứ theo điều 2 chương 1 của nghị định 209/2013/NĐ-CP quy định về người nộp thuế như sau:*

- “ Người nộp thuế GTGT là tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT và tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa chịu thuế GTGT.
- Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam mua dịch vụ (kể cả trường hợp mua dịch vụ gắn với hàng hóa) của tổ chức nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, cá nhân ở nước ngoài là đối tượng không cư trú tại Việt Nam thì tổ chức, cá nhân mua dịch vụ là người nộp thuế, trừ trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng quy định tại điểm b khoản 3 điều này.”

➤ *Căn cứ theo điều 2 chương 1 của nghị định 100/2020/NĐ-CP về kinh doanh hàng miễn thuế quy định về đối tượng áp dụng*

- “ Người xuất cảnh, quá cảnh, nhập cảnh.
- Đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam.

- Thuyền viên làm việc trên tàu biển chạy tuyến quốc tế.
- Hành khách trên các chuyến bay quốc tế đi và đến Việt Nam.
- Doanh nghiệp có đủ điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế theo quy định của pháp luật.
- Xem thêm ở điều 2 chương 1 của nghị định 100/2020/NĐ-CP.”

### ***1.4.3 Thông tư hướng dẫn Luật Thuế GTGT***

#### ***➤ Theo điều 8 của thông tư 219/2013/TT-BTC Thời điểm xác định thuế GTGT***

- Đối với bán hàng hóa là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

#### ***➤ Căn cứ theo điều 109 chương 3 của thông tư 200 quy định về Thời hạn nộp BCTC***

##### ***❖ Đối với doanh nghiệp nhà nước***

###### ***a) Thời hạn nộp Báo cáo tài chính quý:***

- “Đơn vị kế toán phải nộp BCTC quý chậm nhất là 20 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán quý; Đối với công ty mẹ, Tổng công ty Nhà nước chậm nhất là 45 ngày
- Đơn vị kế toán trực thuộc DN, Tổng công ty Nhà nước nộp BCTC quý cho công ty mẹ, Tổng công ty theo thời hạn do công ty mẹ, Tổng công ty quy định.

###### ***b) Thời hạn nộp Báo cáo tài chính năm:***

- Đơn vị kế toán phải nộp BCTC năm chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm; Đối với công ty mẹ, Tổng công ty nhà nước chậm nhất là 90 ngày;
- Đơn vị kế toán trực thuộc Tổng công ty nhà nước nộp BCTC năm cho công ty mẹ, Tổng công ty theo thời hạn do công ty mẹ, Tổng công ty quy định.”

##### ***❖ Đối với các loại doanh nghiệp khác***

- ###### ***a) Đơn vị kế toán là doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh phải nộp Báo cáo tài chính năm chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm; đối với các đơn vị kế toán khác, thời hạn nộp Báo cáo tài chính năm chậm nhất là 90 ngày;***

- ###### ***b) Đơn vị kế toán trực thuộc nộp Báo cáo tài chính năm cho đơn vị kế toán cấp trên theo thời hạn do đơn vị kế toán cấp trên quy định.***

## CHƯƠNG 2

### KẾ TOÁN THUẾ GTGT TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI KIM HUNG PHÚ

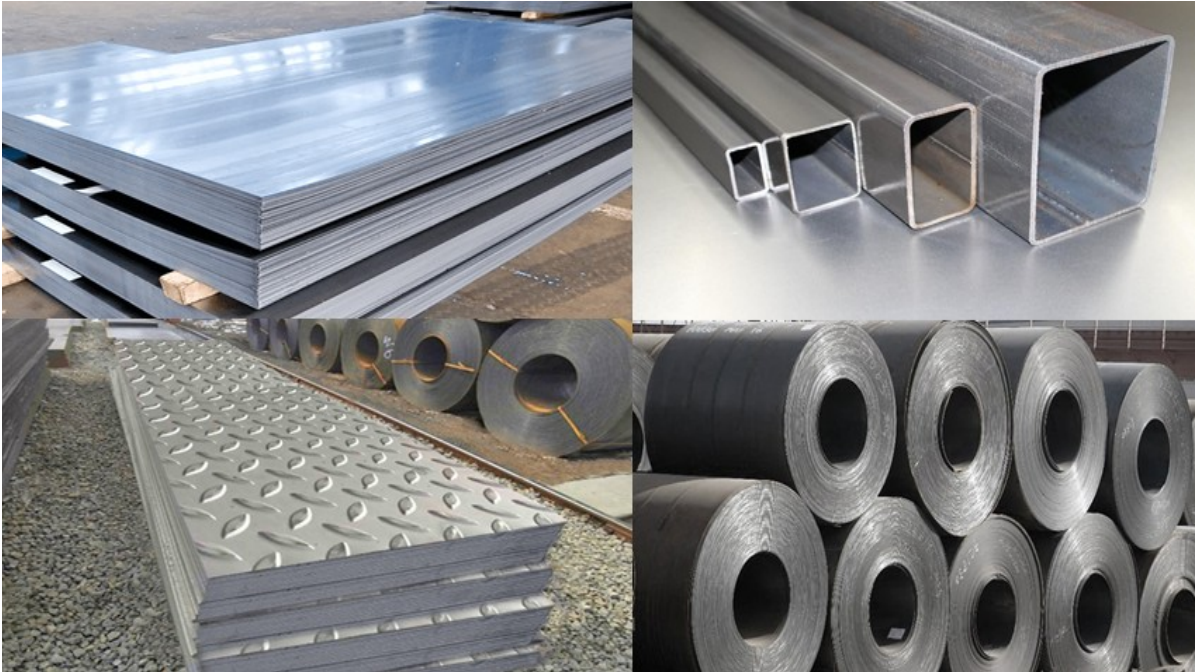
#### 2.1. Giới thiệu chung về Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Kim Hưng Phú

##### 2.1.1 Thông tin về công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Kim Hưng Phú

Bảng 2.1 Thông tin về công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Kim Hưng Phú

Logo công ty	
Tên doanh nghiệp	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Kim Hưng Phú
Tên viết tắt	KIM HUNG PHU CO., LTD
Tên quốc tế	KIM HUNG PHU TRADING PRODUCTIVE COMPANY LIMITED
MST	0315114025
Người đại diện	Phùng Thanh Lượm
Ngày hoạt động	15/06/2018
Điện thoại	0908059939 - 0909069688
Số tài khoản	1682268 (ACB) – PGD Phú Lâm
Địa chỉ	533/25 Phạm Văn Chí, Phường 7, Quận 6, Tp. HCM
Cơ quan quản lý	Chi cục Thuế khu vực Quận 6
Loại hình doanh nghiệp	Công ty TNHH ngoài nhà nước
Tình trạng	Đang hoạt động ( đã được cấp GCN ĐKT )
Ngành nghề kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"><li>○ Gia công cơ khí</li><li>○ Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế</li><li>○ Xây dựng nhà, công trình đường, kỹ thuật dân dụng</li><li>○ Phá dỡ và lắp đặt hệ thống điện, nước, điều hòa</li><li>○ Bán ô tô, máy móc thiết bị,...</li></ul>

❖ Sản phẩm công ty TNHH Sản xuất Thương mại Kim Hưng Phú kinh doanh:



Hình 2.1 Một vài mặt hàng Công ty Kim Hưng Phú kinh doanh

(Nguồn: Tác giả thu thập)

### ***2.1.2 Mục tiêu và phương hướng hoạt động của công ty***

❖ Mục tiêu

- Xuất khẩu các mặt hàng Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Kim Hưng Phú ra các nước bạn; Nâng cao lợi nhuận của doanh nghiệp ở mức tối đa.
- Xây dựng một đội ngũ lãnh đạo, nhân viên chuyên nghiệp có bản lĩnh trong công việc.

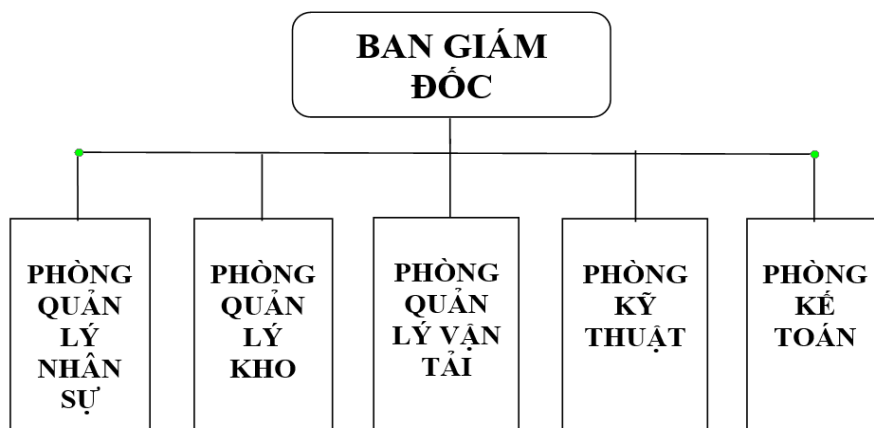
❖ Phương hướng hoạt động của công ty

- Về sản phẩm: Phát triển đa dạng hóa các loại sản phẩm hơn nữa để phục vụ nhu cầu thị hiếu của người tiêu dùng.
- Về thị trường: Đẩy mạnh các hoạt động về tiếp thị, quảng cáo nhằm quảng bá thương hiệu và các sản phẩm của Công ty trên thị trường nhằm tiếp cận thị trường quốc tế rộng lớn hơn.
- Về khoa học công nghệ: Thúc đẩy hóa sản xuất đổi mới công nghệ trong kinh doanh nhằm tạo ra nhiều lợi nhuận. Cập nhật thường xuyên và nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trên thế giới vào hình thức kinh doanh của công ty.

– Về tài chính: Quản lý hết sức chặt chẽ chi phí, đảm bảo sử dụng nguồn vốn có hiệu quả nhằm đem lại lợi nhuận.

## 2.2 Cơ cấu tổ chức của công ty, tổ chức hệ thống kế toán

### 2.2.1 Sơ đồ tổ chức công ty

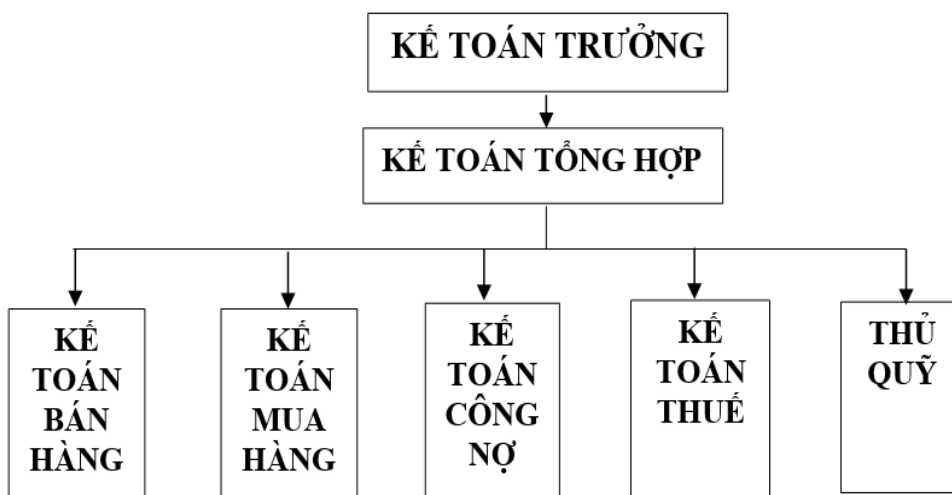


Sơ đồ 2.1 Tổ chức bộ máy của công ty Kim Hưng Phú

(Nguồn: Phòng Nhân Sự cung cấp)

### 2.2.2 Tổ chức hệ thống kế toán

#### ○ Sơ đồ tổ chức phòng kế toán



Sơ đồ 2.2 Tổ chức bộ máy phòng Kế toán Công Ty Kim Hưng Phú

(Nguồn: Phòng Nhân Sự cung cấp)

#### ○ Công việc và nhiệm vụ của từng chức danh nhân viên tại phòng kế toán

#### • Kế toán trưởng – Nguyễn Thị Ái Nương

Là người đứng đầu trong phòng kế toán, người nắm quyền quản lý, nắm toàn bộ tình hình tài chính của công ty. Lập chứng từ thanh toán cho khách hàng và các khoản

cần thanh toán nội bộ. Kiểm tra công việc của các kế toán cấp dưới, quỹ tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng của công ty hàng ngày và cuối tháng, theo dõi tạm ứng.

- **Kế toán tổng hợp – Trần Ca**

Tập hợp số liệu, tiến hành hạch toán tổng hợp, lập các báo cáo. Kiểm tra, kiểm soát, giám sát và tự kiểm tra nội bộ tình hình hoạt động tài chính của công ty, kiểm tra việc chấp hành các quy định về việc ghi chép sổ sách của các kế toán khác, quản lý tiền hàng.

- **Kế toán bán hàng – Phan Thị Phước**

Thông kê hàng bán ra. Xuất hóa đơn bán hàng cho từng đơn hàng đã bán, hạch toán hóa đơn và bút toán liên quan vào phần mềm kế toán. Kiểm soát các hóa đơn GTGT đầu ra, lưu trữ hóa đơn GTGT đầu ra.

- **Kế toán mua hàng – Đỗ Hoài Nam**

– Theo dõi, kiểm tra giám sát kho hàng, để thực hiện tốt việc mua hàng theo từng nguồn hàng mà kho đang thiếu hay sắp tới cần sử dụng đến, từng nhà cung cấp, từng đơn đặt hàng với người bán và tình hình thanh toán với nhà cung cấp.

- **Kế toán công nợ - Phan Thị Thu Thảo**

Theo dõi các khoản công nợ phát sinh, phải thu, chi trả của khách hàng, phân loại các khoản phải thu theo thời gian thanh toán, phân tích tình hình công nợ, đánh giá tỷ lệ thực hiện công nợ, tính tuổi nợ.

- **Kế toán thuế - Trần Hồng Thiên**

- Hằng ngày nhận hóa đơn GTGT, thực hiện kiểm tra hóa đơn.
- Cuối tháng kết xuất sổ đối chiếu
- Cuối quý lập các tờ khai và thuế cho cơ quan thuế nếu quý đó có phát sinh phải nộp.
- Cuối năm cần lập báo cáo tài chính cho năm, các báo cáo thuế của quý IV và báo cáo quyết toán thuế TNCN.

- **Thủ quỹ - Hạng Thị Thu Hằng**

- Quản lý tiền mặt trong két; đồng thời thực hiện việc thanh toán bằng tiền mặt.
- Kiểm tra tính hợp pháp và hợp lý của chứng từ thu – chi trước khi xuất, nhập tiền khỏi quỹ.
- Thực hiện kiểm kê đối chiếu quỹ hàng ngày với kế toán tổng hợp.

– Làm việc với kế toán tổng hợp về số dư tiền trong quỹ nhằm sự dụng cho mục tiêu kinh doanh hay đảm bảo việc chi trả tiền lương, bảo hiểm, phúc lợi khác cho các nhân viên.

## **2.3 Đặc điểm và chính sách kế toán công ty Kim Hưng Phú**

### ***2.3.1 Hình thức chế độ Kế toán***

#### **a. Chế độ kế toán áp dụng**

Chế độ kế toán mà Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Kim Hưng Phú đang áp dụng là chế độ kế toán ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của BTC.

#### **b. Hình thức tổ chức công tác kế toán tại công ty Kim Hưng Phú**

Công ty tổ chức theo hình thức tập trung, xử lý bằng máy, tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ở các bộ phận đều tập trung về phòng kế toán để xử lý, kiểm tra, định khoản ghi sổ chi tiết, sau đó tổng hợp và lập báo cáo tài chính.

### ***2.3.2 Chính sách công ty áp dụng***

– Đơn vị tiền tệ công ty TNHH Sản xuất Thương mại Kim Hưng Phú sử dụng trong ghi chép kế toán: Việt Nam đồng (VND)

– Niên độ kế toán công ty đang áp dụng: bắt đầu niên độ kế toán từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hằng năm.

– Hình thức kế toán: Nhật ký chung

– Xử lý dữ liệu kế toán: Phần mềm Smartpro

– Kỳ kế toán: Theo năm

– Các chính sách kế toán:

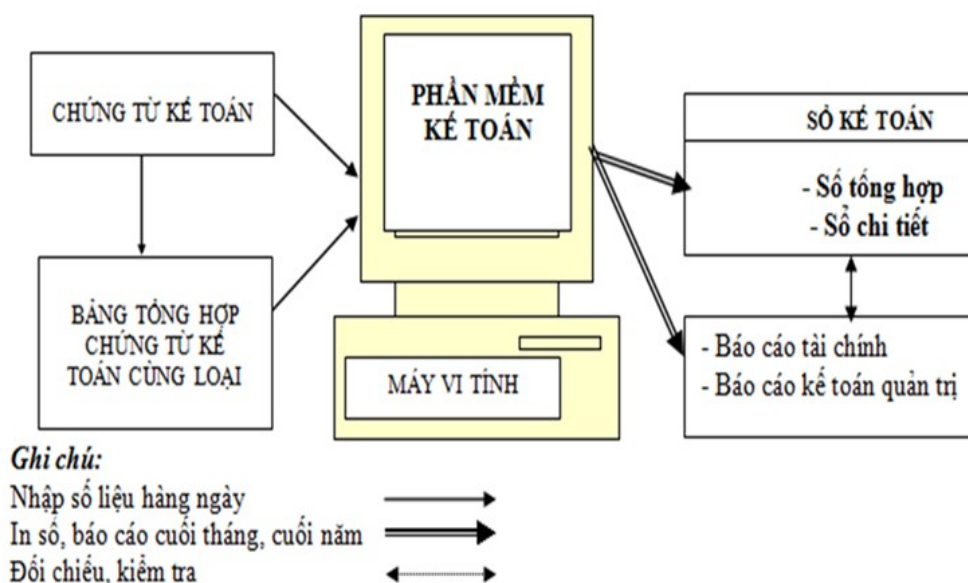
- Phương pháp tính giá hàng tồn kho: Bình quân gia quyền
- Phương pháp hạch toán tồn kho: Kế khai thường xuyên
- Phương pháp khấu hao: Theo phương pháp đường thẳng
- Phương pháp tính thuế GTGT: Theo phương pháp khấu trừ

– **Các loại sổ:**

Doanh nghiệp sử dụng hệ thống sổ kế toán gồm: Sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết. Hình thức kế toán nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu: Sổ nhật ký chung, sổ cái, sổ, thẻ chi tiết các tài khoản.

Sau đây tác giả sẽ minh họa hình thức kế toán máy của công ty:

### TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN TRÊN MÁY VI TÍNH



Sơ đồ 2.3 Hình thức sổ kế toán máy

(Nguồn: Điều 122 thông tư 200)

#### – Xử lý dữ liệu kế toán:

“ Để bớt đi khối lượng công việc ghi chép sổ sách kế toán, nâng cao năng suất, đảm bảo tính kịp thời chính xác của công tác kế toán, công ty sử dụng phần mềm kế toán SMARTPRO để nhập các số liệu vào từ các hóa đơn, chứng từ,... vào phần mềm; từ phần mềm sẽ liên kết dữ liệu với các phân hệ khác. Trong đó, phân hệ quản lý tài chính – kế toán là trung tâm tiếp nhận, kiểm soát và cập nhật dữ liệu với mục đích xử lý tài chính, quản lý nguồn tiền của doanh nghiệp. Từ đó có thể lập kế hoạch tài chính và đưa ra các quyết định chính xác cũng như dùng để lập hệ thống báo cáo tài chính, báo cáo thuế...”

## 2.4 Thực trạng kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Kim Hưng Phú

### 2.4.1 Yêu cầu của công việc

- Công việc một kế toán thuế
  - Thu thập các hóa đơn đầu ra, đầu vào
  - Nộp thuế phát sinh
  - Hạch toán các bút toán có liên quan

- Lên bảng kê thuế GTGT đầu ra, đầu vào
- Lên tờ khai hóa đơn thuế GTGT
- Hoàn thành bộ hồ sơ chứng từ
- Kế toán thuế có nhiệm vụ xác minh tính hợp lý các hoạt động mua bán
- Theo dõi kiểm tra tính hợp lý và hợp lệ của các hóa đơn, chứng từ kế toán.  
Nếu thiếu chứng từ hay hóa đơn phải yêu cầu nhân viên có liên quan bổ sung đầy đủ.

b) Kết quả đạt được

- Lập tờ khai thuế, nộp thuế đúng hạn
- Giải thích hợp lý, chính xác số liệu với cơ quan thuế.

c) Yêu cầu cần có của một kế toán thuế

- Tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán là một lợi thế
- Nắm vững kiến thức về các loại thuế
- Sử dụng thành thạo các phần mềm kế toán
- Tư duy logic, phân tích thông tin
- Kỹ năng giao tiếp
- Kỹ năng lập kế hoạch, quản lý thời gian
- Nhanh nhẹn, hòa đồng và có tinh thần học hỏi

d) Phương pháp tính thuế của Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Kim Hưng

Phú: Theo phương pháp khấu trừ.

e) Kỳ kê khai của công ty theo quý.

### ***2.4.2 Mô tả về công việc kế toán thuế GTGT***

#### **a) Các bước của quy trình kế toán thuế GTGT**

**Bước 1:** Hằng ngày, Kế toán thuế sẽ nhận được hóa đơn GTGT (mua vào) cùng phiếu nhập kho từ Kế toán mua hàng và nhận hoá đơn GTGT (bán ra) cùng phiếu xuất kho từ Kế toán bán hàng; tra cứu hóa đơn GTGT và kiểm tra tính hợp lý của hoá đơn, lưu hoá đơn GTGT đầu vào theo ngày và hóa đơn GTGT đầu ra theo số.

**Bước 2:** Cuối tháng, Kế toán thuế kết xuất bảng kê chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào và bán ra, xuất sổ chi tiết 133 và 33311; đối chiếu số thuế GTGT trên bảng kê và sổ chi tiết; in bảng kê lưu theo tháng.

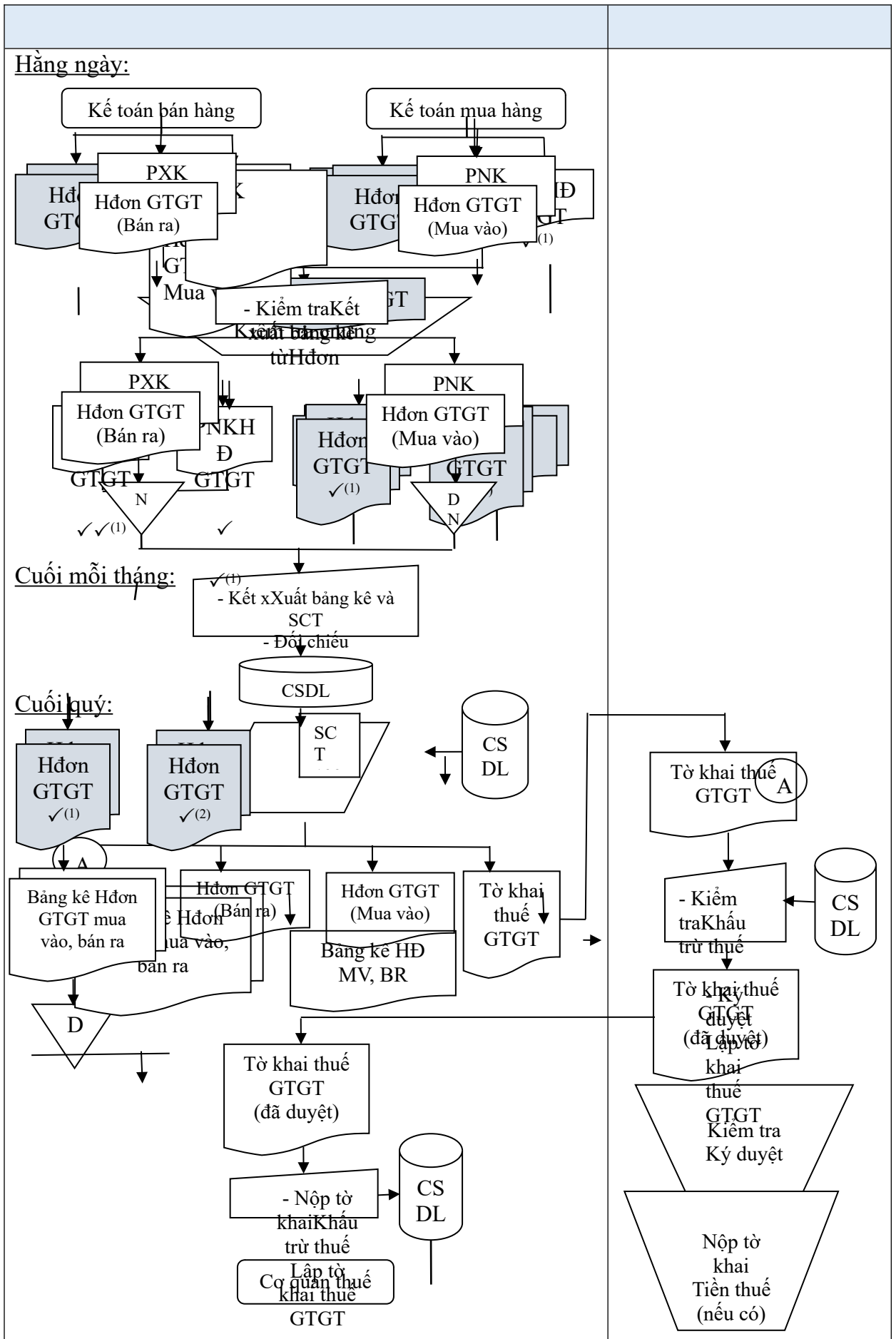
**Bước 3:** Cuối quý, Kế toán thuế thực hiện như bước 2 nhưng cho cả quý, sau khi khớp đúng số liệu sẽ thực hiện bút toán khấu trừ thuế GTGT của quý; lập tờ khai thuế GTGT quý; lưu Bảng kê cùng với hoá đơn GTGT theo nội dung mua vào/ bán ra; chuyển Tờ khai thuế cho kế toán trưởng.

**Bước 4:** Kế toán trưởng kiểm tra, đối chiếu số liệu trên Tờ khai và sổ chi tiết trên phần mềm kế toán; xuất file tờ khai .xml; đăng nhập vào tài khoản trên trang thuế điện tử; chọn tệp đính kèm tờ khai; ký điện tử (token); trả tờ khai thuế GTGT cho kế toán thuế.

**Bước 5:** Kế toán thuế nhận tờ khai đã ký duyệt từ kế toán trưởng; thực hiện nộp tờ khai trên trang thuế điện tử; lưu Tờ khai thuế GTGT theo quý.

#### **b) Trình tự tiến hành**

<b>Kế toán thuế</b>	<b>Kế toán trưởng</b>
---------------------	-----------------------



Lưu đồ 2.1 Quy trình kế toán thuế GTGT tại công ty KHP (Nguồn: Tác giả quan sát)

## **2.5 Minh họa nghiệp vụ kế toán thuế GTGT tại Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Kim Hưng Phú**

Để người đọc có thể hình dung rõ nét về quy trình thực hiện, tác giả sẽ đưa ra một số nghiệp vụ phát sinh trong Quý IV năm 2023 tại Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Kim Hưng Phú và sẽ tiến hành theo các bước mà tác giả đã nêu ở trên.

### ***2.5.1 Đối với hóa đơn đầu vào***

#### **❖ Bước 1: Công việc hàng ngày**

Ngày 30/10/2023 Kế toán thuế nhận được hoá đơn GTGT số 463 (xem hình 2.2) cùng với phiếu nhập kho số 023/10 (xem hình 2.3) từ Kế toán mua hàng. Kế toán thuế tiến hành tra cứu hoá đơn GTGT (xem hình 2.4), kết quả tra cứu (xem hình 2.5); kiểm tra tính hợp lý của hoá đơn (xem hình 2.6), kết quả kiểm tra (xem hình 2.7). Sau khi kiểm tra hoá đơn GTGT, kế toán thuế lưu hoá đơn GTGT để chung xấp theo ngày trong tháng 10/2023.

✚ Nhận hóa đơn GTGT số 463 ngày 30/10/2023

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thép Hộp Kẽm Thử Phẩm	Kg	7.757	13.900,00	107.822.300
Cộng tiền hàng:					107.822.300
Thuế suất GTGT: 10 %		Tiền thuế GTGT:		10.782.230	
Tổng tiền thanh toán:					118.604.530

Số tiền viết bằng chữ: *Một trăm mười tám triệu sáu trăm linh bốn nghìn năm trăm ba mươi đồng chẵn.*

Người mua hàng  
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng  
(Ký, ghi rõ họ, tên)

**Signature Valid**  
Ký bởi: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT  
THƯƠNG MẠI THÉP ĐẠI TÍN  
Ký ngày: 30/10/2023

Trà cứu tại Website: <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu hóa đơn: E6TPCK1JRZK  
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)  
Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

Hình 2.2 Hóa đơn số 463 ngày 30/10/2023

(Nguồn: Tác giả thu thập)

## ✚ Nhận phiếu nhập kho số 023/10 ngày 30/10/2023

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI KIM HƯNG PHÚ  
Địa chỉ : 533/25 Phạm Văn Chí , Phường 07, Quận 6, Thành phố Hồ Chí  
Mã số thuế : 0315114025

Mẫu số 01 - VT  
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

### PHIẾU NHẬP KHO Số : 023/10 Ngày 30 tháng 10 năm 2023

Nợ : 1561,1331  
Có : 331

Họ tên người giao hàng : CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI THÉP ĐẠI TÍN  
Theo HĐ số 00000463 Ngày 30/10/23

Nhập tại kho công ty

Diễn giải : Mua thép

STT	Tên vật tư hàng hóa	Mã VTHH	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thép Hộp Kẽm Thử Phẩm	THMKTP5	Kg	7,757.00	13,900	107,822,300
<b>Tổng Cộng</b>						<b>107,822,300</b>

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ) : Một trăm lẻ bảy triệu tám trăm hai mươi hai ngàn ba trăm đồng

Ngày 30 tháng 10 năm 2023

Người lập phiếu

Người giao hàng

Thủ kho

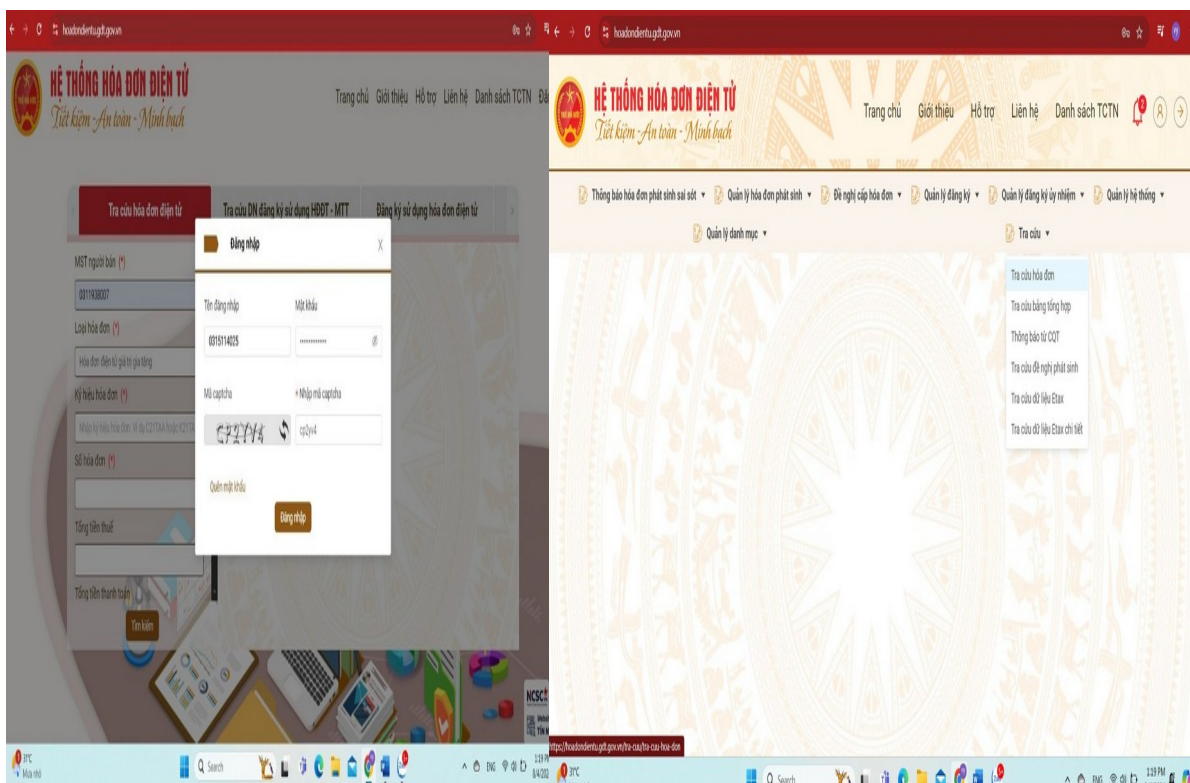
Kế toán trưởng

## Hình 2.3 Phiếu nhập kho số 023/10 ngày 30/10/2023

(Nguồn: Công Ty Kim Hưng Phú cung cấp)

## ✚ Kiểm tra tính thông hành


Vào trang <https://hoadondientu.gdt.gov.vn/>, nhập tên đăng nhập, mật khẩu, nhập mã captcha -> đăng nhập -> chọn tra cứu -> tra cứu hóa đơn.



Hình 2.4 Giao diện đăng nhập hóa đơn điện tử

(Nguồn: Tác giả thu thập)

🚩 Kết quả hóa đơn thông hành

	Mẫu số 1 Ký hiệu: C23TDT Số: 463																						
<b>HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>																							
Ngày 30 tháng 10 năm 2023																							
MCCQT: 0046007B1409FD486A80D35C0B0F132FE2																							
Tên người bán: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI THÉP ĐẠI TÍN																							
Mã số thuế: 0314027958																							
Địa chỉ: Số 4/14 Ấp 3 Quốc lộ 1A, Xã Tân Quý Tây, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh																							
Điện thoại: 0272 397 9191																							
Số tài khoản: 1491 00000 40841 Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam-CN Bình Tân																							
Tên người mua: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI KIM HUNG PHÚ																							
Họ tên người mua:																							
Mã số thuế: 0315114025																							
Địa chỉ: 533/25 Phạm Văn Chí, Phường 07, Quận 6, Thành Phố Hồ Chí Minh																							
Số tài khoản:																							
Hình thức thanh toán: TM/CK																							
Đơn vị tiền tệ: VND																							
Số bảng kê: Ngày bảng kê:																							
<table border="1"><thead><tr><th>STT</th><th>Tính chất</th><th>Tên hàng hóa, dịch vụ</th><th>Đơn vị tính</th><th>Số lượng</th><th>Đơn giá</th><th>Chiết khấu</th><th>Thuế suất</th><th>Thành tiền chưa có thuế GTGT</th></tr></thead><tbody><tr><td>1</td><td>Hàng hóa, dịch vụ</td><td>Thép Hộp Kẽm Thử Phâm</td><td>Kg</td><td>7.757</td><td>13.900</td><td>0</td><td>10%</td><td>107.822.300</td></tr></tbody></table>	STT	Tính chất	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT	1	Hàng hóa, dịch vụ	Thép Hộp Kẽm Thử Phâm	Kg	7.757	13.900	0	10%	107.822.300					
STT	Tính chất	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT															
1	Hàng hóa, dịch vụ	Thép Hộp Kẽm Thử Phâm	Kg	7.757	13.900	0	10%	107.822.300															
<table border="1"><thead><tr><th>Thuế suất</th><th>Tổng tiền chưa thuế</th><th>Tổng tiền thuế</th></tr></thead><tbody><tr><td>10%</td><td>107.822.300</td><td>10.782.230</td></tr></tbody></table>	Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế	10%	107.822.300	10.782.230	<table border="1"><tbody><tr><td>Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)</td><td>107.822.300</td></tr><tr><td>Tổng giảm trừ không chịu thuế</td><td></td></tr><tr><td>Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)</td><td>10.782.230</td></tr><tr><td>Tổng tiền phí</td><td></td></tr><tr><td>Tổng tiền chiết khấu thương mại</td><td>0</td></tr><tr><td>Tổng giảm trừ khác</td><td></td></tr><tr><td>Tổng tiền thanh toán bằng số</td><td>118.604.530</td></tr><tr><td>Tổng tiền thanh toán bằng chữ</td><td>Một trăm mười tám triệu sáu trăm linh bốn nghìn năm trăm ba mươi đồng chẵn</td></tr></tbody></table>	Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	107.822.300	Tổng giảm trừ không chịu thuế		Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	10.782.230	Tổng tiền phí		Tổng tiền chiết khấu thương mại	0	Tổng giảm trừ khác		Tổng tiền thanh toán bằng số	118.604.530	Tổng tiền thanh toán bằng chữ	Một trăm mười tám triệu sáu trăm linh bốn nghìn năm trăm ba mươi đồng chẵn
Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế																					
10%	107.822.300	10.782.230																					
Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	107.822.300																						
Tổng giảm trừ không chịu thuế																							
Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	10.782.230																						
Tổng tiền phí																							
Tổng tiền chiết khấu thương mại	0																						
Tổng giảm trừ khác																							
Tổng tiền thanh toán bằng số	118.604.530																						
Tổng tiền thanh toán bằng chữ	Một trăm mười tám triệu sáu trăm linh bốn nghìn năm trăm ba mươi đồng chẵn																						

## Hình 2.5 Kết quả hóa đơn 463 thông hành

(Nguồn: Tác giả thu thập)

- 🚩 Kiểm tra hợp lý, hợp pháp và chính xác của hóa đơn GTGT
  - Tên hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, ký hiệu mẫu số hóa đơn, số hóa đơn;
  - Tên, địa chỉ, MST của người bán; người mua;
  - Số lượng, đơn giá;
  - Chữ ký số, chữ ký điện tử của người bán,...

Vào trang web <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu>, nhập mã tra cứu hóa đơn sau đó -> Chọn kiểm tra tính hợp lệ của hóa đơn

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thép Hộp Kèm Thủ Phẩm	Kg	7.757	13.900,00	107.822.300

## Hình 2.6 Giao diện phần mềm tra cứu hóa đơn 463

(Nguồn: Tác giả thu thập)

- 🚩 Kết quả của kiểm tra hóa đơn

### KẾT QUẢ KIỂM TRA HÓA ĐƠN

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG** Mẫu số: 1  
 Ngày 30 tháng 10 năm 2023 Ký hiệu: C23TDT  
 Mã hóa đơn: 00000463  
 Mã QGT cấp: 0046007B1409FD486A80D35C0B0F132FE2

**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI THÉP ĐẠI TÍN**  
 Mã số thuế: 0314027958  
 Địa chỉ: Số 4/14 Ấp 3 Quốc lộ 1A, Xã Tân Quý Tây, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh  
 Số điện thoại: 0272 397 9191  
 Số tài khoản: 1491 00000 40841 Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam-CN Bình Tân

Họ tên người mua hàng:  
 Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI KIM HƯNG PHÚ  
 Mã số thuế: 0315114025  
 Địa chỉ: 533/25 Phạm Văn Chí, Phường 07, Quận 6, Thành Phố Hồ Chí Minh  
 Hình thức thanh toán: TM/CK  
 Số tài khoản:  
 Đồng tiền thanh toán: VND  
 Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền chưa trừ chiết khấu	Tiền chiết khấu	Thu suất GTG
1	Hàng hóa, dịch vụ	Thép Hộp Kẽm Thử Phẩm	Kg	7.757	13.900	107.822.300		10%
<b>Tổng hợp</b>			<b>Thành tiền trước thuế GTGT</b>	<b>Tiền thuế GTGT</b>		<b>Cộng tiền thanh toán</b>		
Tồn tiền chịu thuế suất								

**ĐƠN VỊ BÁN HÀNG**  
 Đơn vị: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI THÉP ĐẠI TÍN  
 Mã số thuế: 0314027958  
 Địa chỉ: Số 4/14 Ấp 3 Quốc lộ 1A, Xã Tân Quý Tây, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

**ĐƠN VỊ MUA HÀNG**  
 Đơn vị: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI KIM HƯNG PHÚ  
 Mã số thuế: 0315114025  
 Địa chỉ: 533/25 Phạm Văn Chí, Phường 07, Quận 6, Thành Phố Hồ Chí Minh

**THÔNG TIN THANH TOÁN**  
 Tổng tiền hàng: 107.822.300  
 Tổng thuế GTGT (thuế 10%): 10.782.230  
 Tổng tiền thanh toán: 118.604.530

**KẾT QUẢ KIỂM TRA HÓA ĐƠN**

- Đúng thông tin người mua
  - Đúng mã số thuế người mua
  - Đúng địa chỉ người mua
  - Đúng tên người mua
- Đúng thông tin người bán

**KIỂM TRA VỚI HỆ THỐNG TỔNG CỤC THUẾ**

- Kiểm tra trên hệ thống của Tổng cục thuế
  - Hóa đơn đã tồn tại trên hệ thống tra cứu Cơ quan thuế tại thời điểm kiểm tra
- Tra cứu thông tin người nộp thuế

Đồng bộ phần mềm kế toán      Tải xuống

Hình 2.7 Kết quả kiểm tra hóa đơn 463

(Nguồn: Tác giả thu thập)

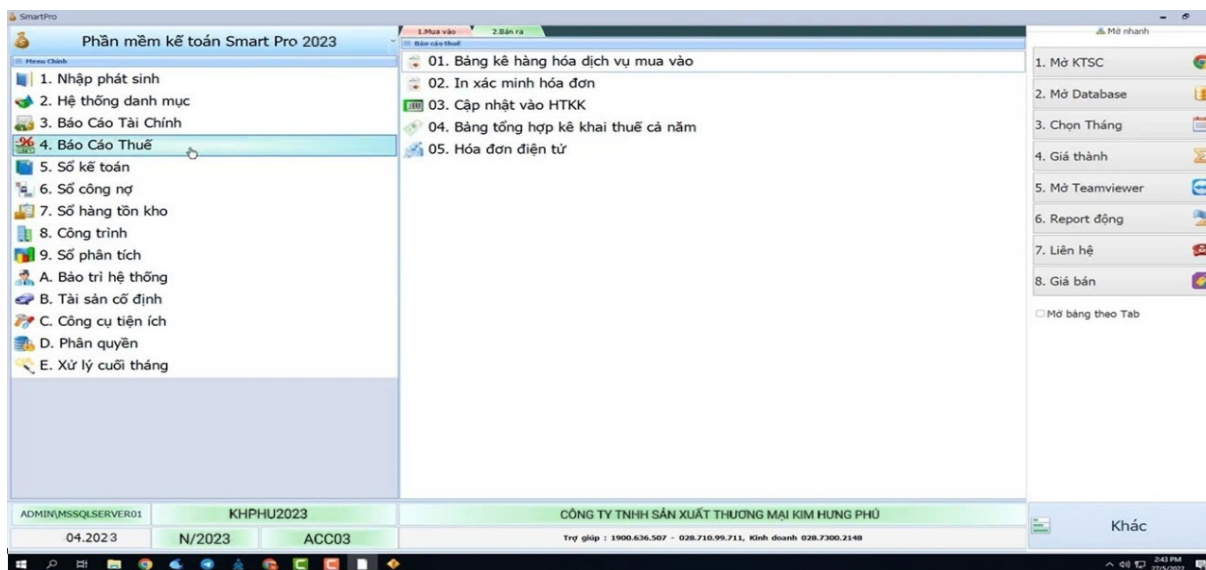
#### ❖ Bước 2: Công việc cuối tháng

Kế toán thuế kết xuất Bảng kê chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào (xem hình 2.9), xuất sổ chi tiết 133 (xem hình 2.11) từ phần mềm Smartpro; đối chiếu số thuế GTGT trên bảng kê và sổ cái. Khi khớp số, Kế toán thuế tiến hành lưu bảng kê hàng hóa dịch vụ theo tháng (xem hình 2.9).

🚩 Kết xuất bảng kê hàng hóa dịch vụ mua vào

- Chọn mục số 4 (Báo cáo thuế) -> Bên phần mua vào chọn mục số 1

(Bảng kê hàng hóa dịch vụ mua vào)



Hình 2.8 Giao diện chọn xuất bảng kê mua vào

(Nguồn: Tác giả thu thập)

🚩 Kết quả xuất bảng kê trên excel

## BẢNG KÊ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ MUA VÀO

Kèm theo tờ khai thuế GTGT  
(Dùng cho cơ sở kê khai khấu trừ thuế hàng tháng)

Kỳ q4 Năm 2023

Tên cơ sở kinh doanh : CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI KIM HÙNG PHÚ

Mã số thuế : 0315114025

Địa chỉ : 533/25 Phạm Văn Chí , Phường 07, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

STT	Hóa đơn chứng từ mua			Tên người bán	Mã số thuế	Mặt hàng	Doanh số mua chưa thuế	Thuế suất	Thuế GTGT	Ghi chú
	Seri	Số HB	Ngày HB							
30	1C23TDT	00000463	30/10/23	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI THÉP ĐẠI TÍN	0314027958	Mua thép	107,822,300	10	10,782,230	
31	1C23TKP	00001381	30/10/23	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI INOX KIM PHÚ	0314042378	Mua thép	27,272,813	10	2,727,281	
53	1C23TTH	104	10/11/23	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HÀ TẤN HÙNG	3603289299	Mua thép	379,654,782	10	37,965,478	
54	1C23TQM	11272	10/11/23	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ QUANG MƯỜI	0302176553	Mua thép	2,146,440	10	214,644	
120	1C23TMC	296	20/12/23	CÔNG TY TNHH SẮT THÉP MINH CƯỜNG	0316374280	Thép cuộn cán nóng	14,424,264	10	1,442,426	
123	1C23TVT	00016758	22/12/23	CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT THÀNH LONG AN	1100635527	THÉP HỘP MẠ KÉM	41,891,840	10	4,189,184	
138	1C23TAP	00000885	30/12/23	HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI AN PHÁT	0312717226	Cước vận chuyển	10,000,000	8	800,000	
							<b>23,602,055,774</b>		<b>2,358,527,848</b>	

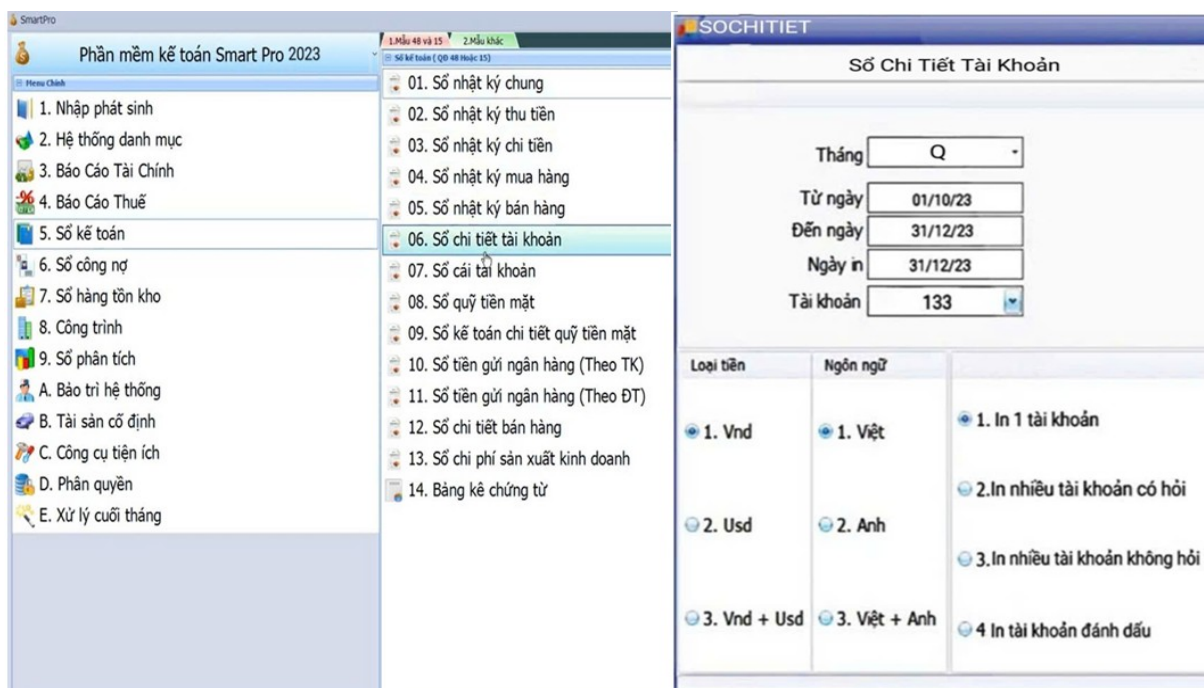
Hình 2.9 Bảng kê hóa đơn GTGT mua vào quý 4/2023

(Nguồn: Kế toán thuế tại Công Ty)

✚ Kết xuất sổ chi tiết 133 (Kết xuất cùng thời điểm với bảng kê)

○ Chọn mục số 5 (Sổ kế toán) -> Bên mẫu 48 và 15 chọn 06 (Sổ chi tiết tài khoản)

○ Ấn chọn và nhập tài khoản cần xuất file (133)



Hình 2.10 Giao diện chọn xuất sổ chi tiết tài khoản 133

(Nguồn: Tác giả thu thập)

○ Kết quả xuất sổ chi tiết tài khoản 133

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

**Mã hiệu : 1331-Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ**  
 Từ ngày 01/10/23 đến ngày 31/12/23

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND		
	Số	Ngày			Nợ	Có	
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			1,795,836,674	
30/10/23	PNK.023/10	30/10/23	Thuế GTGT mua vào HĐ số :00000463,30/10/23	331	10,782,230		
30/10/23	PNK.026/10	30/10/23	Thuế GTGT mua vào HĐ số :00001381,30/10/23	331	2,727,281		
10/11/23	PNK.035/11	10/11/23	Thuế GTGT mua vào HĐ số :11272,10/11/23	1111	214,644		
10/11/23	PNK.036/11	10/11/23	Thuế GTGT mua vào HĐ số :104,10/11/23	331	37,965,478		
20/12/23	PNK.025/12	20/12/23	Thuế GTGT mua vào HĐ số :296,20/12/23	331	1,442,426		
22/12/23	PNK.028/12	22/12/23	Thuế GTGT mua vào HĐ số :00016758,22/12/23	331	4,189,184		
30/12/23	PC.006/12	30/12/23	Thuế GTGT mua vào HĐ số :00000885,30/12/23	1111	800,000		
31/12/23	KCV.1	31/12/23	Kết chuyển số dư tài khoản 33311 sang 133	33311			4,021,918,357
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>2,358,527,848</b>		<b>4,021,918,357</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>		<b>132,446,165</b>		

Hình 2.11 Sổ chi tiết 133 (Nguồn: Kế toán thuế tại Công ty)

✚ Đối chiếu số T.GTGT (**2.358.527.848 đồng**) được tô hồng từ bảng kê hóa đơn chứng từ hàng hóa dịch vụ mua vào (xem hình 2.10) và sổ chi tiết 133 (xem hình 2.11)

**2.5.2 Đối với hóa đơn bán ra**

❖ **Bước 1:** Công việc hàng ngày

Ngày 10/11/2023 Kế toán thuế nhận được hoá đơn GTGT số 214 (xem hình 2.12) cùng với phiếu xuất kho số 036/11 (xem hình 2.13) từ Kế toán bán hàng. Kế toán thuế tiến kiểm tra tính hợp lý của hoá đơn (xem hình 2.14), kết quả kiểm tra (xem hình 2.15). Hoàn thành kiểm tra hoá đơn GTGT, kế toán thuế lưu hoá đơn GTGT để chung xấp theo số tăng dần khi xuất.



(Nguồn: Công ty Kim Hưng Phú cung cấp)

🚩 Nhận phiếu xuất kho số 214 ngày 10/11/2023

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI KIM HƯNG PHÚ  
Địa chỉ :533/25 Phạm Văn Chí , Phường 07, Quận 6, Thành phố Hồ Chí M  
Mã số thuế : 0315114025

Mẫu số 02 - VT  
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

### PHIẾU XUẤT KHO

Số : 214

Ngày 10 tháng 11 năm 2023

Nợ : 632  
Có : 1561

Họ tên người nhận hàng : CÔNG TY TNHH NĂNG LƯỢNG CHÂU ÂU  
Theo HĐ số 214 Ngày 10/11/23

Lý do xuất : Xuất kho theo HĐ số : 214,10/11/23

Xuất tại kho công ty

STT	Tên vật tư hàng hóa	Mã VTHH	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thép tấm	TTAM46	Kg	29,672.00	13,182	391,132,954
<b>Tổng Cộng</b>						<b>391,132,954</b>

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ) : Ba trăm chín mươi một triệu một trăm ba mươi hai ngàn chín trăm năm mươi bốn đồng

Ngày 10 tháng 11 năm 2023

Người lập phiếu

Người nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

### Hình 2.13 Phiếu xuất kho số 214 ngày 10/11/2023

(Nguồn: Công ty Kim Hưng Phú cung cấp)

🚩 Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp và chính xác của hóa đơn

- Tên hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, ký hiệu mẫu số hóa đơn, số hóa đơn;
- Tên, địa chỉ, MST của người bán/ người mua;
- Số lượng, đơn giá;
- Chữ ký số, chữ ký điện tử của người bán,...

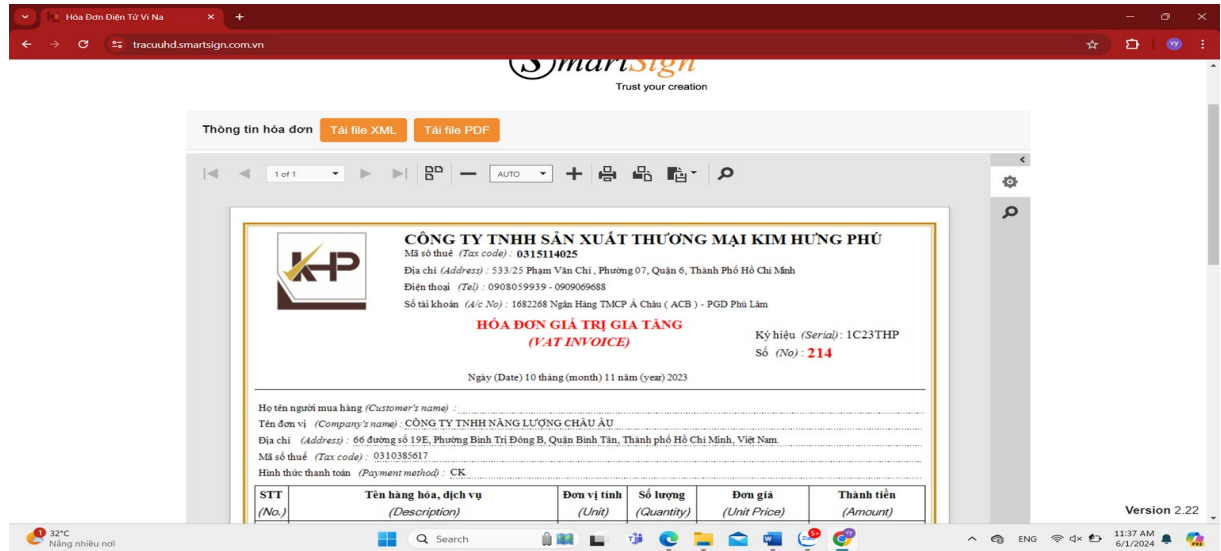
Vào trang web <https://tracuuhd.smartsign.com.vn/>, nhập mã tra cứu hóa đơn:

The screenshot shows a web browser window with the URL [tracuuhd.smartsign.com.vn](https://tracuuhd.smartsign.com.vn). The page features the SmartSign logo and the tagline "Trust your creation". Below the logo, there is a search interface for XML file verification. It includes a text input field containing "230A345644GW" and a search icon. Below this, there is another input field with "13fd" and a redacted area with "13fd". A button labeled "Xem hóa đơn" is positioned below the input fields. The page footer contains the text "Đơn vị sở hữu phần mềm" and "Đơn vị phân phối độc quyền", along with the version number "Version 2.22". The Windows taskbar at the bottom shows the system tray with a temperature of 32°C, the date 6/1/2024, and the time 11:39 AM.

## Hình 2.14 Trang web SmartSign tra cứu hóa đơn

(Nguồn: Tác giả thu thập)

### 🚩 Kết quả của kiểm tra hóa đơn



## Hình 2.15 Kết quả thông tin hóa đơn 214 trên web SmartSign

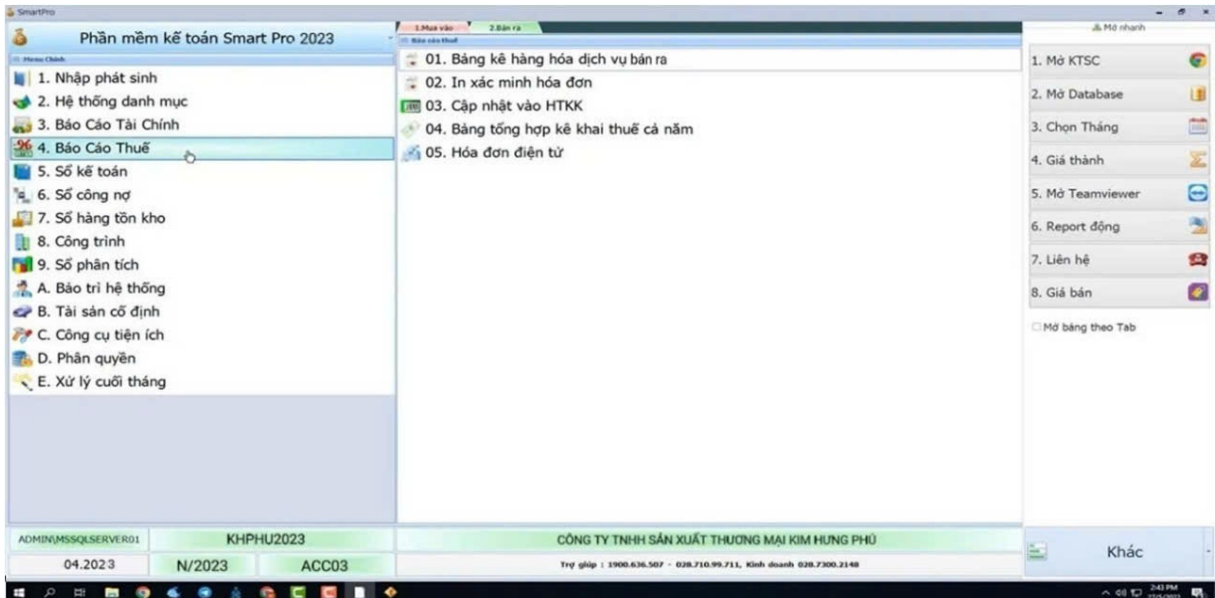
(Nguồn: Tác giả thu thập)

### ❖ **Bước 2:** Cuối mỗi tháng

Kế toán thuế kết xuất bảng kê hoá đơn GTGT mua vào từ phần mềm Smartpro (xem hình 2.17) và sổ chi tiết 33311 ( xem hình 2.18), đối chiếu bảng kê hóa đơn GTGT mua vào và sổ chi tiết 33311. Kế toán thuế in Bảng kê Hoá đơn GTGT mua vào tháng 10/2023 vào cuối quý.

🚩 Bảng kê hóa đơn chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra (Kế toán thuế sẽ kết xuất bảng kê vào cuối tháng).

- Chọn mục số 4 (Báo cáo thuế) -> Bên phần bán ra chọn mục số 1 (Bảng kê hàng hóa dịch vụ bán ra).



Hình 2.16 Giao diện chọn xuất bảng kê bán ra (Nguồn: Tác giả thu thập)

- o Kết quả kết xuất bảng kê excel

**BẢNG KÊ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ BÁN RA**

Kèm theo tờ khai thuế GTGT  
(Dùng cho cơ sở kê khai khấu trừ thuế hàng Quý, Tháng)  
Kỳ Q4 năm 2023

Tên cơ sở kinh doanh : CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI KIM HƯNG PHÚ

Mã số thuế : 0315114025

Địa chỉ : 53/25 Phạm Văn Chí, Phường 07, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

STT	Hóa đơn chứng từ bán			Tên người mua	Mã số thuế	Mặt hàng	Doanh số bán chưa thuế	Thuế suất	Thuế GTGT	Ghi chú
	Seri HD	Số HD	Ngày HD							
8	1C23THP	178	07/10/23	CÔNG TY TNHH KIM KỸ THUẬT SÀI GÒN	0314234489	Ống cn inox	26,913,600	10	2,691,360	
9	1C23THP	179	09/10/23	CÔNG TY TNHH MTV SX TM DỊCH VỤ AN SƠN	0307940606	Thép	488,712,600	10	48,871,260	
10	1C23THP	180	12/10/23	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT CƠ KHÍ CƯỜNG PHÁT	0313355949	Thép	55,492,749	10	5,549,275	
45	1C23THP	214	10/11/23	CÔNG TY TNHH NĂNG LƯỢNG CHÂU ÂU	0310385617	Thép	396,525,629	10	39,652,563	
46	1C23THP	215	11/11/23	CÔNG TY TNHH THÉP THIÊN MINH	0314013049	Thép	24,261,586	10	2,426,159	
47	1C23THP	216	13/11/23	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ ĐOÀN VŨ	0312697227	Thép	356,783,740	10	35,678,374	
164	1C23THP	333	30/12/23	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THÂN THIÊN	0317381178	Thép	17,976,250	10	1,797,625	
165	1C23THP	334	30/12/23	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SẢN XUẤT LÒ HƠI MINH DŨNG	0315225529	Thép	17,447,000	10	1,744,700	
166	1C23THP	335	30/12/23	CÔNG TY TNHH NĂNG LƯỢNG CHÂU ÂU	0310385617	Thép	228,854,456	10	22,885,446	
167	1C23THP	336	30/12/23	CÔNG TY TNHH KHÁI ĐÌNH	0305723740	Thép	364,642,212	10	36,464,221	
168	1C23THP	337	30/12/23	CÔNG TY TNHH NĂNG LƯỢNG CHÂU ÂU	0310385617	Thép	314,849,485	10	31,484,949	
169	1C23THP	338	30/12/23	CÔNG TY TNHH TM SX GIA CÔNG NGÀNH CƠ KHÍ VINH THUẬN	0304073955	Thép	280,939,700	10	28,093,970	
170	1C23THP	339	30/12/23	CÔNG TY TNHH NĂNG LƯỢNG CHÂU ÂU	0310385617	Thép	232,631,711	10	23,263,171	
<b>Tổng cộng</b>							<b>40,219,183,504</b>		<b>4,021,918,357</b>	

Tổng doanh thu hàng hóa dịch vụ bán ra : **40,219,183,504**  
 Tổng thuế GTGT của hàng hóa dịch vụ bán ra : **4,021,918,357**

Hình 2.17 Bảng kê hóa đơn GTGT bán ra quý 4/2023

(Nguồn: Kế toán thuế tại công ty)

- 🚩 Tương tự bước xuất sổ chi tiết 133 chỉ thay tài khoản 133 thành 3331

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**  
**Mã hiệu: 33311-Thuế GTGT đầu ra**  
Từ ngày 01/01/23 đến ngày 31/12/23

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
07/10/23	HDBR.178	07/10/23	Thuế GTGT đầu ra HĐ: 178,07/10/23	131		2,691,360
09/10/23	HDBR.179	09/10/23	Thuế GTGT đầu ra HĐ: 179,09/10/23	131		48,871,260
12/10/23	HDBR.180	12/10/23	Thuế GTGT đầu ra HĐ: 180,12/10/23	131		5,549,275
10/11/23	HDBR.214	10/11/23	Thuế GTGT đầu ra HĐ: 214,10/11/23	131		39,652,563
11/11/23	HDBR.215	11/11/23	Thuế GTGT đầu ra HĐ: 215,11/11/23	131		2,426,159
13/11/23	HDBR.216	13/11/23	Thuế GTGT đầu ra HĐ: 216,13/11/23	131		35,678,374
30/12/23	HDBR.333	30/12/23	Thuế GTGT đầu ra HĐ: 333,30/12/23	1111		1,797,625
30/12/23	HDBR.334	30/12/23	Thuế GTGT đầu ra HĐ: 334,30/12/23	1111		1,744,700
30/12/23	HDBR.335	30/12/23	Thuế GTGT đầu ra HĐ: 335,30/12/23	131		22,885,446
30/12/23	HDBR.336	30/12/23	Thuế GTGT đầu ra HĐ: 336,30/12/23	131		36,464,221
30/12/23	HDBR.337	30/12/23	Thuế GTGT đầu ra HĐ: 337,30/12/23	131		31,484,949
30/12/23	HDBR.338	30/12/23	Thuế GTGT đầu ra HĐ: 338,30/12/23	131		28,093,970
30/12/23	HDBR.339	30/12/23	Thuế GTGT đầu ra HĐ: 339,30/12/23	131		23,263,171
31/12/23	KCV.1	31/12/23	Kết chuyển số dư tài khoản 33311 sang 133	1331	4,021,918,357	
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>4,021,918,357</b>	<b>4,021,918,357</b>
			<i>Số dư cuối kỳ</i>			

Hình 2.18 Sổ chi tiết 33311 (Nguồn: Kế toán thuế tại Công ty)

✚ ĐỐI CHIẾU SỐ THUẾ GTGT (**4.021.918.357 đồng**) GIỮA BẢNG KÊ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ BÁN RA (xem hình 2.17) VÀ SỔ CHI TIẾT (xem hình 2.18).

### 2.5.3 Khấu trừ thuế GTGT quý 4/2023

#### Bước 3: Công việc cuối quý

Kế toán thuế thực hiện như bước 2 cho cả đầu vào và đầu ra nhưng cho cả quý, sau khi khớp đúng số liệu sẽ thực hiện bút toán khấu trừ thuế GTGT của quý (xem hình 2.19); lập tờ khai thuế GTGT quý (xem hình 2.22); lưu Bảng kê cùng với hoá đơn GTGT theo nội dung mua vào/ bán ra; chuyển Tờ khai thuế cho kế toán trưởng.

#### ✚ Khấu trừ thuế vào quý

Chứng từ:

- Các hóa đơn GTGT mua vào, bán ra.

Sổ kế toán:

- Sổ Nhật ký chung (Mẫu S03a-DNN).
- Sổ Chi tiết tài khoản 1331 và 33311 (Mẫu S19-DNN).
- Sổ Cái tài khoản 133 và 333 (Mẫu S03b-DNN).

Báo cáo:

- Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào.
- Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra.

### Kế toán thuế thực hiện khấu trừ thuế

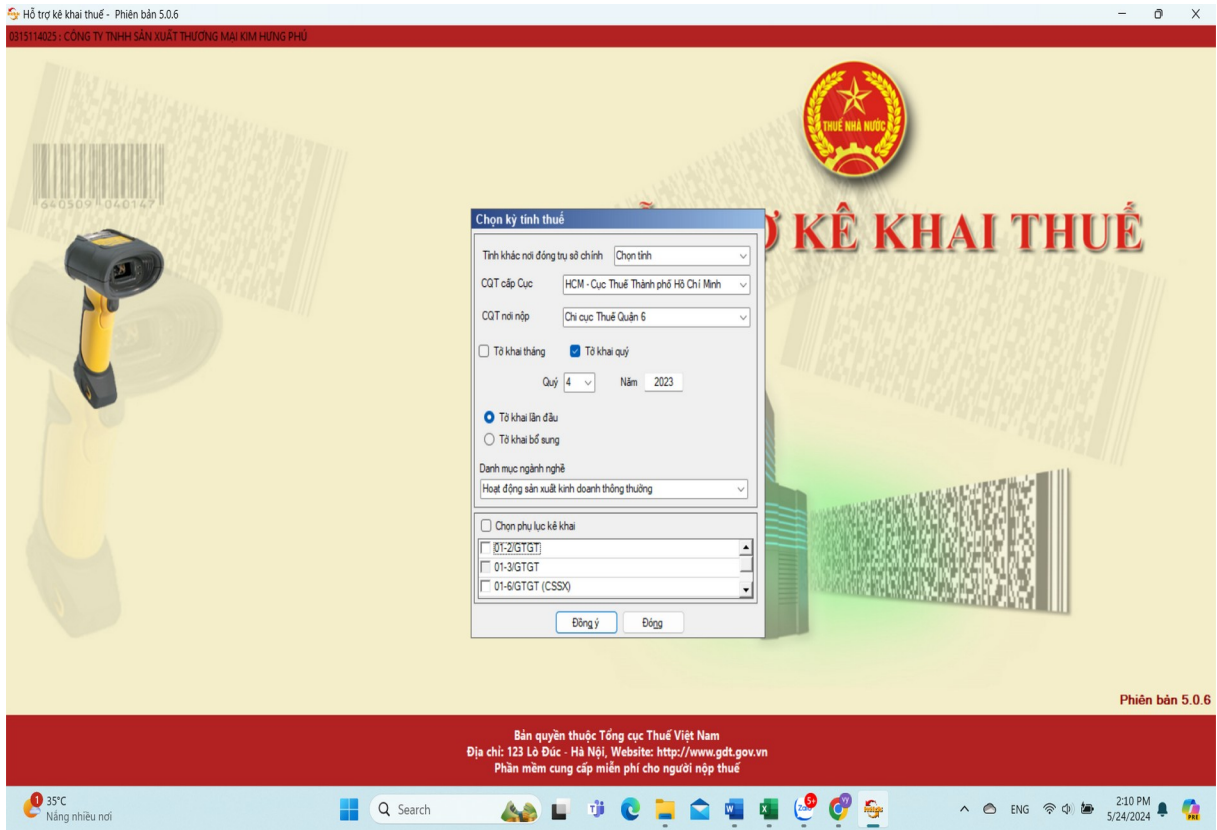
Hình 2.19 Khấu trừ thuế GTGT (Nguồn: Tác giả thu thập)

- ✚ Kế toán thuế lên tờ khai thuế GTGT vào cuối mỗi quý
  - Vào phần mềm HTKK -> Chọn tờ khai thuế GTGT (01/GTGT)(TT80/2021)



Hình 2.20 Giao diện phần mềm HTKK  
(Nguồn: Tác giả thu thập)

○ Chọn quý cần kê khai



Hình 2.21 Giao diện chọn kỳ tính thuế

(Nguồn: Tác giả thu thập)

○ Nhập số liệu vào tờ khai: Căn cứ vào bảng kê hóa đơn hàng hóa dịch vụ mua vào (xem hình 2.19) và bảng kê hóa đơn hàng hóa dịch vụ bán ra (xem hình 2.17) và tờ khai quý trước.

**TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Mẫu số 01/GTGT)**  
(Áp dụng đối với người nộp thuế tính thuế theo phương pháp khấu trừ có hoạt động sản xuất kinh doanh)

**[01a] Tên hoạt động sản xuất kinh doanh: Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường**

STT	Chi tiêu	Giá trị hàng hóa, dịch vụ (chưa có thuế giá trị gia tăng)	Thuế giá trị gia tăng
A	Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ (đánh dấu "X")	[21]	
B	Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang	[22]	1,795,836,674
C	Kê khai thuế giá trị gia tăng phải nộp ngân sách nhà nước		
I	Hàng hoá, dịch vụ mua vào trong kỳ		
1	Giá trị và thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào	[23] 23,602,055,774	[24] 2,358,527,848
	Trong đó: hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu	[23a] 0	[24a] 0
2	Thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào được khấu trừ kỳ này	[25]	2,358,527,848
II	Hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ		
1	Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế giá trị gia tăng	[26] 0	
2	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế giá trị gia tăng ([27]=[29]+[30]+[32]+[32a]; [28]=[31]+[33])	[27] 40,219,183,504	[28] 4,021,918,357
1	Thuế giá trị gia tăng phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ ([40a]=[36]-[22]+[37]-[38]-[39a]) ≥ 0}		[40a] 0
2	Thuế giá trị gia tăng mua vào của dự án đầu tư được bù trừ với thuế GTGT còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ tính thuế ([40b]≤[40a])		[40b] 0
3	Thuế giá trị gia tăng còn phải nộp trong kỳ ([40]=[40a]-[40b])		[40] 0
4	Thuế giá trị gia tăng chưa khấu trừ hết kỳ này {[41]=[36]-[22]+[37]-[38]-[39a]} ≤ 0}		[41] 132,446,165
4.1	Thuế giá trị gia tăng để nghị hoàn ([42] ≤ [41])		[42] 0
4.2	Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ chuyển kỳ sau ([43]=[41]-[42])		[43] 132,446,165

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**

Họ và tên:  Người ký: Phùng Thanh Lượm

Chứng chỉ hành nghề số:  Ngày ký: 31/12/2023

Hình 2.22 Tờ khai thuế GTGT quý 4/2023 (Nguồn: Phần mềm HTKK)

⇒ Như vậy kỳ này không nộp thuế.

**Bước 4:** Kế toán trưởng kiểm tra, đối chiếu số liệu trên Tờ khai (xem hình 2.22) và sổ chi tiết 133 ( xem hình 2.11), sổ chi tiết 3331 (xem hình 2.18), bảng kê hóa đơn hàng hóa mua vào (xem hình 2.9), bảng kê hóa đơn hàng hóa bán ra ( xem hình 2.17) trên phần mềm kế toán; xuất file tờ khai .xml; đăng nhập vào tài khoản trên trang thuế điện tử; chọn tiếp đính kèm tờ khai; ký điện tử (token); trả tờ khai thuế GTGT cho kế toán thuế.

- ✦ Kế toán trưởng tiến hành kí tờ khai sau khi kiểm tra số liệu đã khớp
  - Kế toán trưởng sẽ lên trang <https://thuedientu.gdt.gov.vn> -> nhấn chọn DN



Hình 2.23 Giao diện thuế điện tử  
(Nguồn: Tác giả thu thập)

- Tiếp đến chọn đăng nhập -> nhập tên đăng nhập +mật khẩu + mã xác nhận



**Hướng dẫn đăng nhập:**  
 - Người nộp thuế đăng nhập hệ thống bằng tài khoản giao dịch điện tử với cơ quan thuế (tài khoản đăng nhập hệ thống Thuế điện tử).  
 - Trường hợp chưa có tài khoản giao dịch thuế điện tử, người nộp thuế đăng ký tại trang <https://thuedientu.gdt.gov.vn> phân hệ DOANH NGHIỆP.

Hình 2.24 Giao diện đăng nhập trong trang thuế điện tử

(Nguồn: Tác giả thu thập)

- o Sao đó cắm token vào máy -> Khai thuế



Hình 2.25 Giao diện khai thuế

(Nguồn: Tác giả thu thập)

- o Click chọn nộp tờ khai XML -> chọn tệp tờ khai -> chọn tờ khai đã lập



## Hình 2.26 Giao diện chọn tệp tờ khai

(Nguồn: Tác giả thu thập)

- o Tiếp đến nhập số pin -> nhập mật khẩu Token

The screenshot shows the 'THUẾ ĐIỆN TỬ' (eTax) website. The main menu includes 'Đăng ký thuế', 'Khai Thuế', 'Nộp thuế', 'Tra cứu', 'HỎI - ĐÁP', 'Quản lý Tài khoản', and 'Chuẩn hoá dữ liệu MST cá nhân'. The 'Khai Thuế' section is active, showing 'Nộp tờ khai XML'. A modal window titled 'Đăng nhập' (Login) is overlaid, requiring a 'Token' (NewCA PKI Token), a 'Mật khẩu' (Password), and a 'Số PIN' (PIN). The modal also has a 'Ghi nhớ mật khẩu' (Remember password) checkbox and buttons for 'Đăng nhập' (Login) and 'Hủy' (Cancel). Below the modal, the 'Tờ khai' (Declaration) field contains 'HCM-03151'. There are buttons for 'Ký điện tử' (Electronic signature) and 'Nộp tờ khai' (Submit declaration). A warning message states: 'Cảnh báo: NNT phải gửi BCTC cùng với tờ khai 03/TNDN. Đề nghị NNT gửi BCTC trước khi gửi tờ khai 03/TNDN.'

## Hình 2.27 Giao diện nhập xác nhận ký Token

(Nguồn: Tác giả thu thập)

Bước 5: Kế toán thuế nộp tờ khai trên trang [thu dientu.gdt.gov.vn/](http://thu dientu.gdt.gov.vn/)

The screenshot shows the 'THUẾ ĐIỆN TỬ' (eTax) website. The main menu is the same as in Figure 2.26. The 'Khai Thuế' section is active, showing 'Nộp tờ khai XML'. The 'Tờ khai' (Declaration) field contains 'HCM- 0315114025000 -01\_GTGT\_TT80-Q42023-L00.xml'. There is a 'Chọn tệp tờ khai' (Select declaration file) button. Below the form, there are buttons for 'Ký điện tử' (Electronic signature) and 'Nộp tờ khai' (Submit declaration), with the latter being highlighted by a mouse cursor. A warning message states: 'Cảnh báo: NNT phải gửi BCTC cùng với tờ khai 03/TNDN. Đề nghị NNT gửi BCTC trước khi gửi tờ khai 03/TNDN.'

## Hình 2.28 Giao diện nộp tờ khai trên trang thuế điện tử

(Nguồn: Tác giả thu thập)

### 2.6 Kết quả công việc

- Chứng từ Kế toán áp dụng
    - o Hóa đơn GTGT mua vào (Xem hình 2.2)
    - o Hóa đơn GTGT bán ra (Xem hình 2.12)
  - Liên quan đến sổ kế toán:
    - o Sổ Nhật ký chung (Mẫu S03a-DNN). (Xem phụ lục 2)
    - o Sổ Chi tiết tài khoản (Mẫu S19-DNN). (Tác giả phụ lục 3 và 4)
  - Liên quan đến loại báo cáo kế toán, báo cáo thuế:
    - o Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào (Mẫu số: 01-2/GTGT). (Xem hình 2.9)
    - o Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ bán ra (Mẫu số: 01-1/GTGT). (Xem hình 2.17)
    - o Tờ khai thuế GTGT (mẫu 01/GTGT – TT80/2021). ( Xem hình 2.22 )
    - o Phụ lục giảm thuế Giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 43/2022/QH15.  
“Nếu có xuất mặc hàng được giảm thuế”
  - Hình thức của các chứng từ, sổ kế toán của doanh nghiệp có liên quan đến công việc kế toán thuế GTGT: Công ty áp dụng biểu mẫu của các chứng từ, sổ sách và báo cáo theo Thông tư 219/2013/TT-BTC.
  - Liên quan công việc kế toán khác:
    - o Kế toán mua hàng: Chuyển hóa đơn GTGT đầu vào, phiếu nhập kho
    - o Kế toán bán hàng: Chuyển hóa đơn GTGT đầu ra, phiếu xuất kho
    - o Kế toán công nợ: Kiểm tra hóa đơn trên 20 triệu có
    - o Kế toán trưởng: Kiểm tra, ký duyệt tờ khai thuế GTGT
- “ Trường hợp kế toán trưởng không đồng ý xét duyệt do có sai sót, kế toán thuế sẽ kiểm tra lại, giải trình khai bổ sung và điều chỉnh những khoản chưa hợp lý”
- Cách lưu trữ hồ sơ kế toán của công việc kế toán thuế GTGT: Tờ khai thuế, các hóa đơn GTGT mua vào/bán ra, các sổ sách kế toán được lưu trữ dạng file mềm tại ổ đĩa công ty, lưu theo mẫu Quý\_Năm\_Loại tài liệu (VD: Tờ khai thuế

GTGT Quý IV năm 2022 được lưu thành Q04\_2022\_Tokhaithue\_01GTGT TT80\_2021).

- Các loại sổ được kế toán thuế in vào cuối năm:
  - (1) Sổ sách kế toán tổng hợp
    - Sổ Nhật ký chung (đối với hình thức ghi sổ Nhật ký chung)
  - (2) Sổ cái các tài khoản phát sinh trong năm tài chính: Căn cứ vào Bảng cân đối kế toán có bao nhiêu tài khoản thì sẽ in tương ứng sổ cái
  - (3) Sổ chi tiết các tài khoản

## **2.7 Kiểm tra kết quả công việc**

- Người kiểm tra: Kế toán trưởng
- Định kỳ kiểm tra vào cuối mỗi tháng, quý
  - + Kiểm tra đối chiếu số liệu sổ nhật ký chung, sổ cái 133/3331, sổ chi tiết 1331/3331....
  - + Kiểm tra đối chiếu bảng kê và các sổ để cập nhật nhanh khi có sai sót.
  - + Các bút toán phân bổ và kết chuyển.
  - + Kiểm tra số liệu trên tờ khai.
  - + Lập các báo cáo nội bộ, báo cáo tài chính sử dụng hóa đơn hàng quý
  - + Tổng hợp số liệu hạch toán từ các phân hệ: phải thu, phải trả, kế toán kho, kế toán thanh toán, kế toán thuế, kế toán giá thành. Lập bảng cân đối phát sinh các tài khoản.
- Cách thức kiểm tra:
  - + Kiểm tra nội dung chứng từ xem các hoạt động kinh tế tài chính ghi trong chứng từ có hợp pháp, đúng sự thật, đúng với chế độ thể lệ hiện hành.
  - + Kiểm tra việc ghi chép vào các sổ kế toán: Kiểm tra đối chiếu, đúng sự thật, đúng với chứng từ kế toán, rõ ràng rành mạch, hợp lý, hợp lệ, hợp pháp.
  - + Kiểm tra các bút toán khấu trừ, kiểm tra số thuế GTGT còn được khấu trừ hay phải nộp đã chính xác hay không?
  - + Kiểm tra các hoá đơn GTGT xem có còn thiếu sót hay trùng, trường hợp nếu có, yêu cầu bộ phận kế toán có liên quan bổ sung, xử lý.

**CHƯƠNG 3**  
**NHẬN XÉT VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ**  
**TOÁN TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI**  
**KIM HƯNG PHÚ**

**3.1 Sự cần thiết và yêu cầu hoàn thiện về công tác kế toán thuế GTGT tại Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Kim Hưng Phú**

***3.1.1 Sự cần thiết của việc hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT***

Thuế GTGT là sắc thuế quan trọng đối với bất kỳ doanh nghiệp nào, đối với công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Kim Hưng Phú cũng vậy. Vì thế, việc thực hiện công tác kế toán thuế GTGT là vô cùng cấp thiết bởi vì thuế GTGT là một phần thiết yếu trong việc phát triển của công ty, đi đôi với đó là việc phải chấp hành nghiêm túc những quy định pháp luật về việc kê khai, khấu trừ thuế, hoàn thuế và nộp thuế GTGT.

Bên cạnh đó những yếu tố trên thì Bộ tài chính luôn cập nhật, sửa đổi bổ sung các luật liên quan đến thuế GTGT qua các Nghị định, Thông tư,... để các doanh nghiệp hiểu rõ hơn về các quy định của thuế. Điều này đòi hỏi các công ty, các kế toán viên luôn cần phải tiếp cận nhanh chóng, nâng cao trình độ, kiến thức, kỹ năng.

***3.1.2 Một số kiến nghị để hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH Sản xuất Thương mại Kim Hưng Phú***

Trong quá trình thực tập tại đơn vị, bản thân tác giả được hiểu rõ hơn về công việc của một kế toán thuế, nhờ các kiến thức được học tại trường hỗ trợ công việc nhanh chóng, hiệu quả.

Dưới đây là những ưu – nhược điểm và các kiến nghị do bản thân sinh viên đề xuất trong thời gian thực tập tại Công ty, đôi khi sẽ không phù hợp với định hướng phát triển, cũng rất hy vọng rằng nó sẽ được Quý Công ty xem là một ý kiến đóng góp.

**❖ *Ưu điểm***

- Công ty sử dụng phương pháp kê khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ:
  - Sẽ được khấu trừ số tiền thuế GTGT đầu vào.
- Công ty dùng phần mềm Kế toán Smartpro để sử dụng, thao tác nhanh. (Giao diện phần mềm dễ nhìn, thao tác dễ)

- Các nhân viên kế toán luôn đảm bảo trình độ kế toán của doanh nghiệp phải được đào tạo, có chuyên môn và nắm rõ pháp luật thuế giá trị gia tăng.
- Mỗi vấn đề phát sinh luôn có đầy đủ chứng từ liên quan.

#### ❖ *Nhược điểm*

- Hóa đơn chứng từ ngày một nhiều dẫn đến có thể sẽ thiếu nhân sự do không đáp ứng được công việc hoàn thiện đúng thời gian.
- Khâu kế toán mua hàng chưa lập danh sách hóa đơn gửi kế toán thuế.
- Công ty chưa thống nhất mã hóa đặt tên cho gọi nhớ cho khách hàng và nhà cung cấp nên gây ra trường hợp trùng lặp nhiều mã cho một đối tượng. (Nhiều hóa đơn của những khách hàng khác nhau đều được ghi nhận cho cùng một khách hàng).
- Kế toán thuế chỉ làm việc trên sổ sách từ các kế toán khác đưa qua dẫn đến một vài công việc kế toán thuế không nắm rõ (như nhập hàng mã #A xuất hàng lại có mã #B việc này kế toán thuế phải làm việc trao đổi lại với kế toán mua hàng và bán hàng).

## 3.2 Giải pháp

### 3.2.1 *Giải pháp về công tác tổ chức bộ máy kế toán*

Với lượng hóa đơn, chứng từ và công việc phát sinh quý trước thì bộ máy kế toán nhân viên công ty có thể hoàn thành tốt công việc, nhưng đến hiện tại công ty đã phát triển, nhiều mặt hàng của công ty được khách hàng tin dùng khối lượng công việc tăng cao cần tuyển thêm một vài vị trí nhân viên để đảm bảo công việc hoàn thành đúng tiến độ.

### 3.2.2 *Giải pháp về công tác kế toán thuế GTGT tại Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Kim Hưng Phú*

Kế toán mua hàng cần lập danh sách hóa đơn mua vào chuyển giao cho kế toán thuế cùng hóa đơn và phiếu nhập kho. Việc lập danh sách hóa đơn như thế giúp kiểm soát đầy đủ hóa đơn, tránh thất thoát.

Cập nhật cách mã hóa đặt tên cho gọi nhớ cho khách hàng và nhà cung cấp cho các nhân viên tránh sai sót.

Thường xuyên có những chuyến đi thực tế cho kế toán thuế đến kho xưởng, bộ phận bán hàng để hiểu rõ tình hình kinh doanh của công ty, quan sát các khâu sản xuất, tiếp xúc khâu hàng hóa mua vào bán ra. Để tiện cho hóa trình ghi chép sổ sách từ hóa đơn chứng từ để không bị nhầm lẫn.

## KẾT LUẬN

Trong suốt thời gian 2 tháng thực tập tại Công ty bản thân tác giả đã tìm hiểu sâu hơn về thực trạng kế toán thuế GTGT. Trên cơ sở lý thuyết đã được học và thời gian đi thực tế tại công ty đã giúp tác giả trang bị được cho mình những kiến thức bổ ích cho chuyên ngành mà tác giả đã được học. Qua đó tác giả cũng nhận thức được kế toán nói chung và kế toán thuế GTGT nói riêng giữ vai trò quan trọng trong hoạt động của công ty. Các số liệu thu thập đòi hỏi phải chính xác, minh bạch, đầy đủ các thông tin, để quá trình kê khai thuế được hoàn thành nhanh chóng.

Khi nhìn nhận một cách thực tế Công ty tác giả đã tự mình đánh giá những ưu điểm, nhược điểm của mình bên cạnh đó tác giả cũng có đưa ra một số kiến nghị với nguyện vọng để Công ty tham khảo nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty. Tuy rằng những ý kiến của tác giả được đưa ra dưới góc độ là một sinh viên nhưng tác giả hy vọng rằng nó sẽ được Công ty xem là một ý kiến đóng góp.

Do thời gian ngắn cùng với trình độ bản thân còn nhiều hạn chế nên bài báo cáo của tác giả không tránh khỏi sai sót. Mặc dù tác giả đã có nhiều cố gắng song báo cáo vẫn chưa thể đầy đủ và sâu sắc được. Tác giả rất mong nhận được sự góp ý tích cực từ Quý thầy cô, các anh/chị kế toán của Công ty để tác giả hoàn thành tốt báo cáo thực tập.

Một lần nữa tác giả xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn nhiệt tình của cô Thái Ngọc Trúc Phương – Giảng viên hướng dẫn, các anh/chị kế toán tại và Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Kim Hưng Phú đã luôn giúp đỡ tác giả trong quá trình tìm kiếm dữ liệu và kiến thức cần có của một kế toán.

Kính chúc Quý thầy/cô trường Đại học Nguyễn Tất Thành thành công trên con đường đi dẫu các thế hệ sinh viên đến cánh cửa tương lai, chúc khoa Tài chính – Kế toán thành công hơn nữa đạt được nhiều mục tiêu hơn. Tác giả xin gửi lời chúc sức khỏe đến toàn thể các anh/chị tại Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Kim Hưng Phú. Chúc Quý Công ty ngày càng thành công và phát triển.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tô Thị Phương Dung (1986), Luật Minh Khuê, Hà Nội, (<https://luatminhkhue.vn/thue-la-gi-dac-diem-phan-loai-thue.aspx>)
2. Quốc hội (2008), Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12, Hà Nội, (<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Luat-thue-gia-tri-gia-tang-2008-13-2008-QH12-66934.aspx>)
3. Quốc hội (2013), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT số 31/2013/QH13, Hà Nội, (<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Luat-thue-gia-tri-gia-tang-sua-doi-nam-2013-197260.aspx>)
4. Bộ Tài Chính (2013), Thông Tư số 219/2013/TT-BTC, Hà Nội, (<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-219-2013-TT-BTC-huong-dan-Luat-thue-gia-tri-gia-tang-va-Nghi-dinh-209-2013-ND-CP-220761.aspx>)
5. Bộ Tài Chính (2014), Thông Tư hướng dẫn chế độ Kế toán Doanh nghiệp số 200/2014/TT-BTC, Hà Nội, (<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Thong-tu-200-2014-TT-BTC-huong-dan-Che-do-ke-toan-Doanh-nghiep-263599.aspx>)
6. Chính Phủ (2013), Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều luật thuế GTGT số 209/2013/NĐ-CP, (<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-209-2013-nd-cp-nam-2013-huong-dan-luat-thue-gia-tri-gia-tang-216679.aspx>)
7. Ngô Thế Chi và Trương Thị Thủy, Giáo trình Kế toán tài chính (2013) NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

## **PHỤ LỤC**

Danh mục phụ lục 1: Bảng cân đối kế toán

Danh mục phụ lục 2: Sổ nhật ký chung

Danh mục phụ lục 3: Sổ cái 133

Danh mục phụ lục 4: Sổ cái 3331

Danh mục phụ lục 5: Bảng kết quả kinh doanh

Danh mục phụ lục 6: Thuyết minh báo cáo tài chính (năm)

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày : 31/12/2023

Đơn vị tính : Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>25,936,790,947</b>	<b>32,779,413,555</b>
<b>I. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN</b>	<b>110</b>		<b>7,343,140,491</b>	<b>1,301,857,988</b>
1. Tiền	111	V.I	7,343,140,491	1,301,857,988
2. Các khoản tương đương tiền	112	V.I		
<b>II. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>		
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
<b>III. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN</b>	<b>130</b>		<b>13,829,445,415</b>	<b>8,733,833,226</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		13,374,079,250	8,242,366,789
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		455,366,165	491,466,437
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136			
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi(*)	137			
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
<b>IV. HÀNG TỒN KHO</b>	<b>140</b>		<b>4,631,758,876</b>	<b>20,947,885,667</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	4,631,758,876	20,947,885,667
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC</b>	<b>150</b>		<b>132,446,165</b>	<b>1,795,836,674</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		132,446,165	1,795,836,674
3. Thuế và Các khoản phải thu nhà nước	153	V.05		
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>135,818,351</b>	<b>149,669,361</b>
<b>I. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			

6. Phải thu dài hạn khác	216			
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
<b>II. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH</b>	<b>220</b>		<b>59,380,940</b>	<b>62,452,370</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		59,380,940	62,452,370
- Nguyên giá	222		86,000,000	86,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(26,619,060)	(23,547,630)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227			
<b>III. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ</b>	<b>230</b>	<b>V.12</b>		
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
<b>IV. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN</b>	<b>240</b>	<b>V.12</b>		
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			
<b>V. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN</b>	<b>250</b>			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm <b>II. NỢ DÀI HẠN</b>			<b>330</b>	
<b>VI. TÀI SẢN D</b> 1. Phải trả người bán dài hạn			331	
1. Chi phí trả 2. Người mua trả tiền trước dài hạn			332	
2. Tài sản thuê 3. Chi phí phải trả dài hạn			333	
3. Thiết bị, vật 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			334	
4. Tài sản dài 5. Phải trả nội bộ dài hạn			335	
<b>TỔNG CỘNG</b> 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn			336	
			337	
			338	
			415	
<b>A. NỢ PHẢI TI</b> 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			416	
<b>I. NỢ NGẮN H</b> 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			417	
1. Phải trả ngu 8. Quỹ đầu tư phát triển			418	
2. Người mua 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			419	
3. Thuế và các 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			420	
4. Phải trả ngu 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối			421	(1,423,225,609) (1,544,723,600)
5. Chi phí phải 12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			422	
6. Phải trả nội 12. NGUỒN KINH PHÍ VÀ QUỸ KHÁC			<b>430</b>	
7. Phải trả the 1. Nguồn kinh phí			431	V.23
8. Doanh thu c 3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			432	
9. Phải trả ngắ 11. <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430= 300+400)</b>			<b>440</b>	<b>26,072,609,298 32,929,082,916</b>
10. Vay và nợ				
11. Dự phòng				
12. Quỹ khen				
13. Quỹ bình c				
14. Giao dịch				

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

**Phụ lục 1 Bảng cân đối kế toán**

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI KIM HƯNG PHÚ

Mẫu số: S03A-DN

533/25 Phạm Văn Chí, Phường 07, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC

Mã số thuế: 0315114025

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG ( Trích)**

Từ ngày 01/10/23 đến ngày 31/12/23

Ngày Ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Phát sinh trong kỳ (Vnd)	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
10/12/2023	HDBR.180	10/12/2023	Doanh thu bán hàng		61,042,024	61,042,024
			Phải thu của khách hàng	131	61,042,024	0
			Doanh thu bán hàng hóa	5111	0	55,492,749
			Thuế GTGT đầu ra	33311	0	5,549,275
11/10/2023	PXK.213	11/10/2023	Xuất kho theo HD số : 213,10/11/23		14,808,249	14,808,249
			Giá vốn hàng bán	632	14,808,249	0
			Giá mua hàng hóa	1561	0	14,808,249
11/10/2023	PXK.214	11/10/2023	Xuất kho theo HD số : 214,10/11/23		391,132,954	391,132,954
			Giá vốn hàng bán	632	391,132,954	0
			Giá mua hàng hóa	1561	0	391,132,954
12/30/2023	PXK.333	12/30/2023	Xuất kho theo HD số : 333,30/12/23		17,927,000	17,927,000
			Giá vốn hàng bán	632	17,927,000	0
			Giá mua hàng hóa	1561	0	17,927,000
12/31/2023	KC.11	12/31/2023	Kết chuyển số dư tài khoản 6427		392,803	392,803
			Xác định kết quả kinh doanh	911	392,803	0
			Chi phí dịch vụ mua ngoài	6427	0	392,803
12/31/2023	KC.12	12/31/2023	Kết chuyển số dư tài khoản 6428		18,773,883	18,773,883
			Xác định kết quả kinh doanh	911	18,773,883	0
			Chi phí bằng tiền khác	6428	0	18,773,883
12/31/2023	KC.13	12/31/2023	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212		68,282,606	68,282,606
			Xác định kết quả kinh doanh	911	68,282,606	0
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	4212	0	68,282,606
			<b>Tổng cộng</b>		<b>291,217,790,255</b>	<b>291,217,790,255</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

PHÙNG THANH LƯỢM

Phụ lục 2: Sổ nhật ký chung

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI KIM HƯNG PHÚ

Mẫu số S03b-DN

533/25 Phạm Văn Chí, Phường 07, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam (Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC

Mã số thuế : 0315114025

ngày 22-12-2014 của Bộ Tài Chính)

**SỔ CÁI**

**Mã hiệu :133 - Thuế GTGT được khấu trừ**

**Từ ngày 01/10/23 đến ngày 31/12/23**

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	TK	Số tiền VND	
	Số	Ngày			DU	Nợ
			<b>SỐ DƯ ĐẦU KỲ</b>		<b>1,795,836,674</b>	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	
30/10/23	PNK.023/10	30/10/23	Thuế GTGT mua vào HĐ số :00000463,30/10/23	331	10,782,230	
30/10/23	PNK.026/10	30/10/23	Thuế GTGT mua vào HĐ số :00001381,30/10/23	331	2,727,281	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	
10/11/23	PNK.035/11	10/11/23	Thuế GTGT mua vào HĐ số :11272,10/11/23	1111	214,644	
10/11/23	PNK.036/11	10/11/23	Thuế GTGT mua vào HĐ số :104,10/11/23	331	37,965,478	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	
20/12/23	PNK.025/12	20/12/23	Thuế GTGT mua vào HĐ số :296,20/12/23	331	1,442,426	
21/12/23	PC.003/12	21/12/23	Thuế GTGT mua vào HĐ số :1638,21/12/23	1111	576,880	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	
30/12/23	PC.006/12	30/12/23	Thuế GTGT mua vào HĐ số :00000885,30/12/23	1111	800,000	
31/12/23	KCV.1	31/12/23	Kết chuyển số dư tài khoản 33311 sang 133	33311		4,021,918,357
			<b>CỘNG PHÁT SINH</b>		<b>2,358,527,848</b>	<b>4,021,918,357</b>
			<b>SỐ DƯ CUỐI KỲ</b>		<b>132,446,165</b>	
			<b>LỖY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM</b>		<b>4,909,079,547</b>	<b>6,706,713,467</b>

Phụ lục 3: Sổ cái tài khoản 1331

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI KIM HÙNG PHÚ

533/25 Phạm Văn Chí, Phường 07, Quận 6, TP.HCM, Việt Nam

Mã số thuế : 0315114025

Mẫu số S38-DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

### SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu : 33311-Thuế GTGT đầu ra

Từ ngày 01/01/23 đến ngày 31/12/23

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
.....	.....	.....	.....	....		.....
07/10/23	HDBR.178	07/10/23	Thuế GTGT đầu ra HĐ: 178,07/10/23	131		2,691,360
09/10/23	HDBR.179	09/10/23	Thuế GTGT đầu ra HĐ: 179,09/10/23	131		48,871,260
12/10/23	HDBR.180	12/10/23	Thuế GTGT đầu ra HĐ: 180,12/10/23	131		5,549,275
.....	.....	.....	.....	....		.....
10/11/23	HDBR.214	10/11/23	Thuế GTGT đầu ra HĐ: 214,10/11/23	131		39,652,563
11/11/23	HDBR.215	11/11/23	Thuế GTGT đầu ra HĐ: 215,11/11/23	131		2,426,159
13/11/23	HDBR.216	13/11/23	Thuế GTGT đầu ra HĐ: 216,13/11/23	131		35,678,374
.....	.....	.....	.....	....		.....
30/12/23	HDBR.333	30/12/23	Thuế GTGT đầu ra HĐ: 333,30/12/23	1111		1,797,625
30/12/23	HDBR.334	30/12/23	Thuế GTGT đầu ra HĐ: 334,30/12/23	1111		1,744,700
30/12/23	HDBR.335	30/12/23	Thuế GTGT đầu ra HĐ: 335,30/12/23	131		22,885,446
30/12/23	HDBR.336	30/12/23	Thuế GTGT đầu ra HĐ: 336,30/12/23	131		36,464,221
30/12/23	HDBR.337	30/12/23	Thuế GTGT đầu ra HĐ: 337,30/12/23	131		31,484,949
30/12/23	HDBR.338	30/12/23	Thuế GTGT đầu ra HĐ: 338,30/12/23	131		28,093,970
30/12/23	HDBR.339	30/12/23	Thuế GTGT đầu ra HĐ: 339,30/12/23	131		23,263,171
31/12/23	KCV.1	31/12/23	Kết chuyển số dư tài khoản 33311 sang 133	1331	4,021,918,357	
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>4,021,918,357</b>	<b>4,021,918,357</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

Phụ lục 4 Sổ cái tài khoản 3331

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/10/23 đến ngày 31/12/23

ĐVT : Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ Trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	40,219,183,504	13,881,195,980
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		40,219,183,504	13,881,195,980
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	39,819,244,875	13,681,048,790
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		399,938,629	200,147,190
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	38,307	25,678
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.28	22,779,492	24,805,117
- Trong đó lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	25		103,689,287	97,914,047
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		151,867,535	151,100,615
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		121,640,622	(73,646,911)
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32		142,631	40,931,717
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(142,631)	(40,931,717)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		121,497,991	(114,578,628)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30		
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		121,497,991	(114,578,628)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

PHÙNG THANH LƯỢNG

Phụ lục 5 Bảng kết quả hoạt động kinh doanh

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2023**

----- //==o==\-----

### **I- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

- Hình thức sở hữu vốn: **Vốn tự có**
- Lĩnh vực kinh doanh: **Bán buôn sắt, thép, inox**
- Ngành nghề kinh doanh: **Bán buôn sắt, thép, inox**
- Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường
- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính cũ ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:
- Cấu trúc doanh nghiệp
  - Danh sách các công ty con
  - Danh sách các công ty liên doanh, liên kết
  - Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc
- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính ( có so sánh được hay không, nếu không so sánh được phải nêu rõ lý do như vì chuyển đổi hình thức sở hữu, chia tách, sát nhập, nêu độ dài về kỳ so sánh ...)

### **II- Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

- Kỳ kế toán năm: Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán. Trường hợp có sự thay đổi đơn vị tiền tệ so với năm trước, giải trình lý do và ảnh hưởng của sự thay đổi VND

### **IV- Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

- Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)
- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán: Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành.

### **IV- Các chính sách kế toán áp dụng (trong trường hợp doanh nghiệp hoạt động liên tục)**

- Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam (Trường hợp đồng tiền ghi sổ kế toán khác với Đồng Việt Nam); Ảnh hưởng (nếu có) do việc chuyển đổi Báo cáo tài chính từ đồng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam
- Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán
- Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền
- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền
- Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính
  - Chứng khoán kinh doanh;
  - Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
  - Các khoản cho vay;
  - Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết;
  - Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác;
  - Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính;
- Nguyên tắc kế toán nợ phải thu
  - Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:
  - Phương pháp tính giá hàng tồn kho:
  - Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:
- Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh
- Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại
- Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước
- Nguyên tắc kế toán nợ phải trả
- Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính
- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay
- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả
- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

18. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi.
19. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu
- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu
  - Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản
  - Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá.
  - Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối
20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:
- Doanh thu bán hàng
  - Doanh thu cung cấp dịch vụ;
  - Doanh thu hoạt động tài chính
  - Doanh thu hợp đồng xây dựng.
  - Thu nhập khác
21. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu
22. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán
23. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính
24. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp
25. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại
26. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

**02- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:**

- a) Chứng khoán kinh doanh
- b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn
- c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

**03. Phải thu của khách hàng**

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	13,374,079,250	2,450,657,368
- Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng	0	0
- Các khoản phải thu khách hàng khác	0	0
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	0	0
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết từng đối tượng)	0	0

**04. Phải thu khác**

**05. Tài sản thiếu chờ xử lý (Chi tiết từng loại tài sản thiếu)**

**06. Nợ xấu**

**07- Hàng tồn kho**

Chỉ tiêu	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi trên đường	0	0	0	0
- Nguyên liệu, vật liệu	0	0	0	0
- Công cụ, dụng cụ	0	0	0	0
- Chi phí SX, KD dở dang	0	0	0	0
- Thành phẩm	0	0	0	0
- Hàng hóa	4,631,758,876	0	21,981,188,383	0
- Hàng gửi đi bán	0	0	0	0
- Hàng hóa kho bảo thuế	0	0	0	0
- Hàng hóa bất động sản	0	0	0	0
<b>Cộng</b>	<b>4,631,758,876</b>	<b>0</b>	<b>21,981,188,383</b>	<b>0</b>

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ; Nguyên nhân và hướng xử lý đối với hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất;
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ;
- Lý do dẫn đến việc trích lập thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho;

**08- Tài sản dở dang dài hạn**

**09 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ hữu</b>							
Số dư đầu năm	0	86,000,000	0	0	0	0	86,000,000
- Mua trong năm	0	0	0	0	0	0	0
- Đầu tư XDCB hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0
- Tăng khác	0	0	0	0	0	0	0
- Chuyển sang BDS đầu tư	0	0	0	0	0	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	0	0	0	0
- Giảm khác	0	0	0	0	0	0	0
Số dư cuối năm	0	86,000,000	0	0	0	0	86,000,000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>							
Số dư đầu năm	0	0	0	0	0	0	14,333,340
- Khấu hao trong năm	0	0	0	0	0	0	12,285,720
- Tăng khác	0	0	0	0	0	0	0
- Chuyển sang BD sản ĐT	0	0	0	0	0	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	0	0	0	0
- Giảm khác	0	0	0	0	0	0	0
Số dư cuối năm	0	0	0	0	0	0	26,619,060
<b>Giá trị còn lại</b>							
- Tại ngày đầu năm	0	86,000,000	0	0	0	0	71,666,660
- Tại ngày cuối năm	0	86,000,000	0	0	0	0	59,380,940

\* Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay:

\* Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

\* Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý:

\* Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai:

\* Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình:

**10- Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:**

**11- Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính:**

**12- Tăng, giảm bất động sản đầu tư:**

**13. Chi phí trả trước**

**14. Tài sản khác**

**15. Vay và nợ thuê tài chính**

Chỉ tiêu	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số không có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số không có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	985,783,288	0	3,528,000,000	4,543,000,000	2,000,783,288	0
.....						
b) Vay dài hạn	0	0	0	0	0	0
.....						
<b>Cộng</b>	<b>985,783,288</b>	<b>0</b>	<b>3,528,000,000</b>	<b>4,543,000,000</b>	<b>2,000,783,288</b>	<b>0</b>

**c) Các khoản nợ thuê tài chính**

Thời hạn	Năm này			Năm trước		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê TC	Trả tiền lãi thuê	Tăng	Tổng khoản thanh toán tiền thuê TC	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
- Từ 1 năm trở xuống	0	0	0	0	0	0
- Trên 1 năm đến 5 năm	0	0	0	0	0	0
- Trên 5 năm	0	0	0	0	0	0

**d) Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán**

Chỉ tiêu	Cuối năm		Đầu năm	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
- Vay	0	0	0	0
- Nợ thuê tài chính	0	0	0	0
- Lý do chưa thanh toán	0	0	0	0
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**d) Thuyết minh chi tiết về các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan****16. Phải trả người bán**

Chỉ tiêu	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	11,054,685,454	0	744,882,375	0
- Chi tiết cho từng đối tượng chiếm từ 10% trở lên trên tổng số phải trả	0	0	0	0
- Phải trả cho các đối tượng khác	0	0	0	0
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	0	0	0	0
<b>Cộng</b>	<b>11,054,685,454</b>	<b>0</b>	<b>744,882,375</b>	<b>0</b>
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	0	0	0	0
- Chi tiết cho từng đối tượng chiếm từ 10% trở lên trên tổng số phải trả	0	0	0	0
- Các đối tượng khác	0	0	0	0
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
d) Phải trả cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết cho từng đối tượng)	0	0	0	0

**17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

Chỉ tiêu	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
a) Phải nộp (chi tiết theo từng loại thuế)				
- Thuế giá trị gia tăng	0	6,703,428,652	0	0
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	0	0	0	0
- Thuế xuất nhập khẩu	0	0	0	0
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	86,641,553	57,568,317	0
- Thuế thu nhập cá nhân	0	0	0	0
- Thuế tài nguyên	0	0	0	0
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	0	0	0	0
- Các loại thuế khác	0	0	0	0
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	0	43,931,717	43,918,745	0
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>6,834,001,922</b>	<b>101,487,062</b>	<b>0</b>
b) Phải thu (chi tiết theo từng loại thuế)				
- Thuế giá trị gia tăng	0	0	0	0
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	0	0	0	0
- Thuế xuất nhập khẩu	0	0	0	0
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	29,073,236	0	0	0
- Thuế thu nhập cá nhân	0	0	0	0
- Thuế tài nguyên	0	0	0	0
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	0	0	0	0
- Các loại thuế khác	0	0	0	0
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	0	0	0	0
<b>Cộng</b>	<b>29,073,236</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**18. Chi phí phải trả**

**19. Phải trả khác**

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	0	0
- Kinh phí công đoàn	0	0
- Bảo hiểm xã hội	0	13,770,000
- Bảo hiểm y tế	0	2,430,000
- Bảo hiểm thất nghiệp	0	1,080,000
- Phải trả về cổ phần hóa	0	0
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	0	0
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	0	0
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	0	20,700,000,000
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>20,717,280,000</b>
b) Dài hạn (chi tiết theo từng khoản mục)		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	0	0
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	0	0
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán (chi tiết từng khoản mục, lý do chưa thanh toán nợ quá hạn)

**20. Doanh thu chưa thực hiện**

**21. Trái phiếu phát hành**

**21.1. Trái phiếu thường**

**21.2. Trái phiếu chuyển đổi**

**22. Cổ phiếu ưu đãi đã phân loại là nợ phải trả**

**23. Dự phòng phải trả**

**24. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

**25. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá	Lợi nhuận sau thuế chưa nhân nhồi	Các khoản mục khác	Tổng cộng
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
<b>Số dư đầu năm trước</b>	5,000,000,000	0	0	0	0	0	(519,802,289)	0	4,480,197,711
- Tăng vốn trong năm trước	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Lãi trong năm trước	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Tăng khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Giảm vốn trong năm trước	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Lỗ trong năm trước	0	0	0	0	0	0	473,745,256	0	473,745,256
- Giảm khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0
<b>Số dư đầu năm nay</b>	5,000,000,000	0	0	0	0	0	(993,547,545)	0	4,006,452,455
- Tăng vốn trong năm nay	10,000,000,000	0	0	0	0	0	0	0	10,000,000,000
- Lãi trong năm nay	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Tăng khác	0	0	0	0	0	0	12,972	0	12,972
- Giảm vốn trong năm nay	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Lỗ trong năm nay	0	0	0	0	0	0	339,764,668	0	339,764,668
- Giảm khác	0	0	0	0	0	0	89,926,368	0	89,926,368
<b>Số dư cuối năm nay</b>	15,000,000,000	0	0	0	0	0	(1,423,225,609)	0	13,576,774,391

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

**d) Cổ phiếu**

**đ) Cổ tức**

**e) Các quỹ của doanh nghiệp**

**g) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể**

**26. Chênh lệch đánh giá lại tài sản**

27. Chênh lệch tỷ giá

28. Nguồn kinh phí

29. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

30. Các thông tin khác do doanh nghiệp tự thuyết minh, giải trình

**VI- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

**1- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)**

Trong đó:	Năm nay	Năm trước
a) Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng	67,016,929,627	0
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	0	0
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	0	0
	0	0
+ Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ		
+ Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập báo cáo tài chính	0	0
<b>Cộng</b>	<b>67,016,929,627</b>	<b>0</b>
b) Doanh thu đối với các bên liên quan	0	0
c) Trường hợp ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản là tổng số tiền nhận trước, doanh nghiệp phải thuyết minh thêm để so sánh sự khác biệt giữa việc ghi nhận doanh thu theo phương pháp phân bổ dần theo thời gian cho thuê; Khả năng suy giảm lợi nhuận và luồng tiền trong tương lai do đã ghi nhận doanh thu đối với toàn bộ số tiền nhận trước.	0	0

**2- Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)**

Trong đó:	Năm nay	Năm trước
- Chiết khấu thương mại	0	0
- Giảm giá hàng bán	0	0
- Hàng bán bị trả lại	0	0
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**3- Giá vốn hàng bán (Mã số 11)**

Trong đó:	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	66,056,919,755	0
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	0	0
Trong đó Giá vốn trích trước của hàng hóa thành phẩm bất động sản đã bán bao gồm:	0	0
+ Hàng mục chi phí trích trước	0	0
+ Giá trị trích trước vào chi phí của từng hạng mục	0	0
+ Thời gian chi phí dự kiến phát sinh	0	0
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2,833,332	0
- Giá trị còn lại, chi phí nhượng bán, TL của BĐS đầu tư đã bán	0	0
- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	0	0
- Giá trị hàng tồn kho mất mát trong kỳ	0	0
- Giá trị từng loại hàng tồn kho hao hụt ngoài định mức trong kỳ	0	0
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	0	0
- Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán	0	0
<b>Cộng</b>	<b>66,059,753,087</b>	<b>0</b>

**4- Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)**

Khoản mục	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	0	0
- Lãi bán các chứng khoán đầu tư	0	0
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	0	0
- Lãi chênh lệch tỷ giá	0	0
- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	0	0
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	617,579	0
<b>Cộng</b>	<b>617,579</b>	<b>0</b>

**5- Chi phí tài chính (Mã số 22)**

Khoản mục	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	0	0
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	0	0
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	0	0
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	0	0
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	0	0
- Chi phí tài chính khác	126,419,792	0
- Các khoản ghi giảm chi phí tài chính	0	0
<b>Cộng</b>	<b>126,419,792</b>	<b>0</b>

<b>7- Chi phí khác</b>		
<b>Khoản mục</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	0	0
- Lỗ do đánh giá lại tài sản	0	0
- Các khoản bị phạt	0	0
- Các khoản khác	41,755,185	0
<b>Cộng</b>	<b>41,755,185</b>	<b>0</b>

<b>8- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
<b>9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>		
<b>Khoản mục</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	61,921,789	0
- Chi phí nhân công	306,127,675	0
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	12,285,720	0
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	59,493,555	0
- Chi phí khác bằng tiền	706,745,203	0
<b>Cộng</b>	<b>1,146,573,942</b>	<b>0</b>

**10- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)**  
**11- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Mã số 52)**

**VII- Thông tin bổ sung cho các mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

Đơn vị tính: VN đồng

**1- Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng**

<b>Khoản mục</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính:	0	0
- Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu:	0	0
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu:	0	0
- Các giao dịch phi tiền tệ khác	0	0

2- Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và trong đơng tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện.

3- Số tiền đi vay hoặc thực thu trong kỳ

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường;
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu chuyển đổi;
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả;
- Tiền thu từ giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ và REPO chứng khoán;
- Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác.

4- Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;
- Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường;
- Tiền trả nợ gốc trái phiếu chuyển đổi;
- Tiền trả nợ gốc cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả;
- Tiền chi trả cho giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ và REPO chứng khoán;
- Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác

**VIII- Những thông tin khác**

1- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có

2- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: Không ảnh hưởng đến báo cáo tài chính này.

3- Thông tin về các bên liên quan: Không có.

4- Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 "Báo cáo bộ phận": Không có.

5- Thông tin so sánh: Một vài số liệu trong báo cáo tài chính này đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm nay.

6- Thông tin về hoạt động liên tục: Doanh nghiệp vẫn hoạt động liên tục, bình thường.

7- Những thông tin khác:

Người lập Kế toán trưởng Ngày 31 tháng 12 năm 2023  
Giám đốc

PHÙNG THANH LƯỢNG

Phụ lục 6 Thuyết minh BCTC (năm)